

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Cúc Phương**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Cúc Phương  
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2012**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Cúc Phương

Mã SV: 120158

Lớp: QT1204K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.
  - Đánh giá được ưu, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu năm 2011 của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

**PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
  - Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
  - Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
  - Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
  - Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
  - Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	2
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	2
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.....	2
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	4
1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp .....	6
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.4.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	17
1.4.1.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.....	24
1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.....	28
1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.....	32
1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	36
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	40

1.5.1. Hình thức Nhật ký chung .....	40
1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái: .....	41
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	42
1.5.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	43
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	44
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN .....</b>	<b>45</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần khí công nghiệp Vinashin.....	45
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.....	45
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.....	46
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin ...	46
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.....	49
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.....	49
2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin .....	51
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.....	54
2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động kinh doanh.....	54
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng.....	54
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	61
2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	70
2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	81
2.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	81



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính .....	86
2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác .....	91
2.2.3.1 Kế toán thu nhập khác .....	91
2.2.3.2 Kế toán chi phí khác .....	96
2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	101
2.2.4.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....	101
2.2.4.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	103
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN.....</b>	<b>109</b>
3.1 Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin. ....	109
3.1.1 Ưu điểm .....	109
3.1.2 Hạn chế .....	111
3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin .....	112
3.3 Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin .....	113
3.4 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin .....	114
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>128</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>129</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế hội nhập ngày nay, nhất là trong thực tế nền kinh tế Việt Nam đang trong bước chuyển mình với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không một doanh nghiệp nào có thể tồn tại và phát triển nếu sản phẩm sản xuất ra không được thị trường chấp nhận. Hơn nữa, bản chất của nền kinh tế thị trường luôn chứa đựng trong đó tính cạnh tranh gay gắt, điều đó buộc các doanh nghiệp phải tự khẳng định, nâng cao sức cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, tăng doanh thu và kết quả phải có lãi.

Sau một thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy em quyết định lựa chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin” làm khóa luận.

Khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin.

**Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, các cô chú trong phòng kế toán Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Sinh viên

Phạm Cúc Phương

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

***1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp***

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

***1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.***

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

Cụ thể:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Kết quả HĐ} & & \text{DTT về bán} & & & & & & & & \text{Chi phí quản} \\ \text{sản xuất kinh} & = & \text{hàng và cung} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{Chi phí} & - & \text{lý doanh} \\ \text{doanh} & & \text{cấp DV} & & \text{hàng bán} & & \text{bán hàng} & & \text{ng nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu thuần về bán} & & & & \text{Doanh thu bán hàng và} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & = & & & \text{cung cấp dịch vụ} & - & \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:
  - + Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp;
  - + Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
  - + Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do một phần hoặc toàn bộ hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
  - + Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giá vốn hàng bán: Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan tới hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.

❖ **Hoạt động tài chính:** Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động} & = & \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} & & \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

- Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm các khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản chi phí và các khoản lỗ liên quan tới hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

❖ **Hoạt động khác:** Là các hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động khác} & = & \text{Thu nhập khác} \\ & & \end{array} - \begin{array}{c} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

- Thu nhập khác: Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

### 1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

### **1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### *❖ Đối với doanh nghiệp*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

#### *❖ Đối với Nhà nước*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn

thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

❖ *Đối với nhà đầu tư:* thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ *Đối với tổ chức trung gian tài chính:* Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

❖ *Đối với nhà cung cấp:* Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

### **1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### ***1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp***

##### *1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan tới giao dịch bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầy đủ, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế), và doanh nghiệp phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp



trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán.

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán; dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu tiền hoặc sẽ thu được tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ Các phương thức bán hàng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế

- Phiếu thu, giấy báo có

- Các chứng từ liên quan khác

### ❖ Tài khoản sử dụng

➤ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

▪ Kết cấu

### **Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

### **Bên Có:**

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2
  - Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
  - Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
  - Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
  - Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
  - Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ
- Kết cấu

### **Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh.

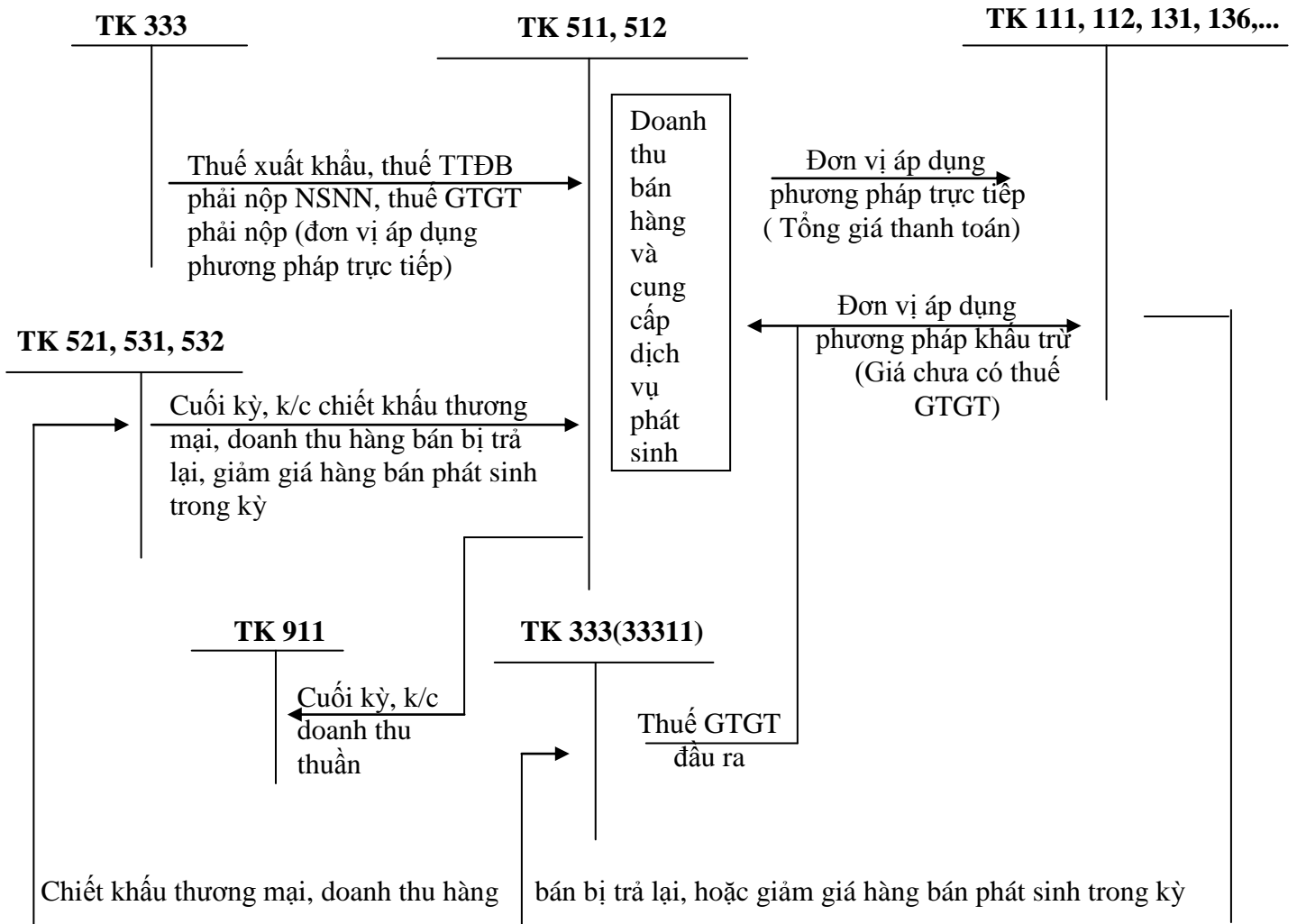
### **Bên Có:**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2
  - Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ
  - Tài khoản 5122: Doanh thu bán thành phẩm nội bộ
  - Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ

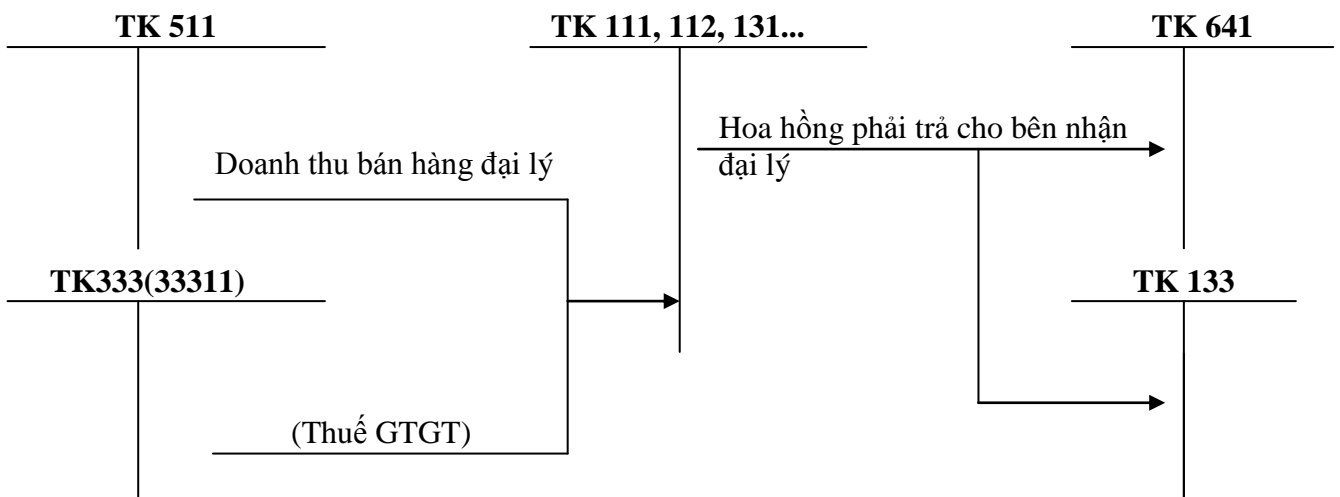
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

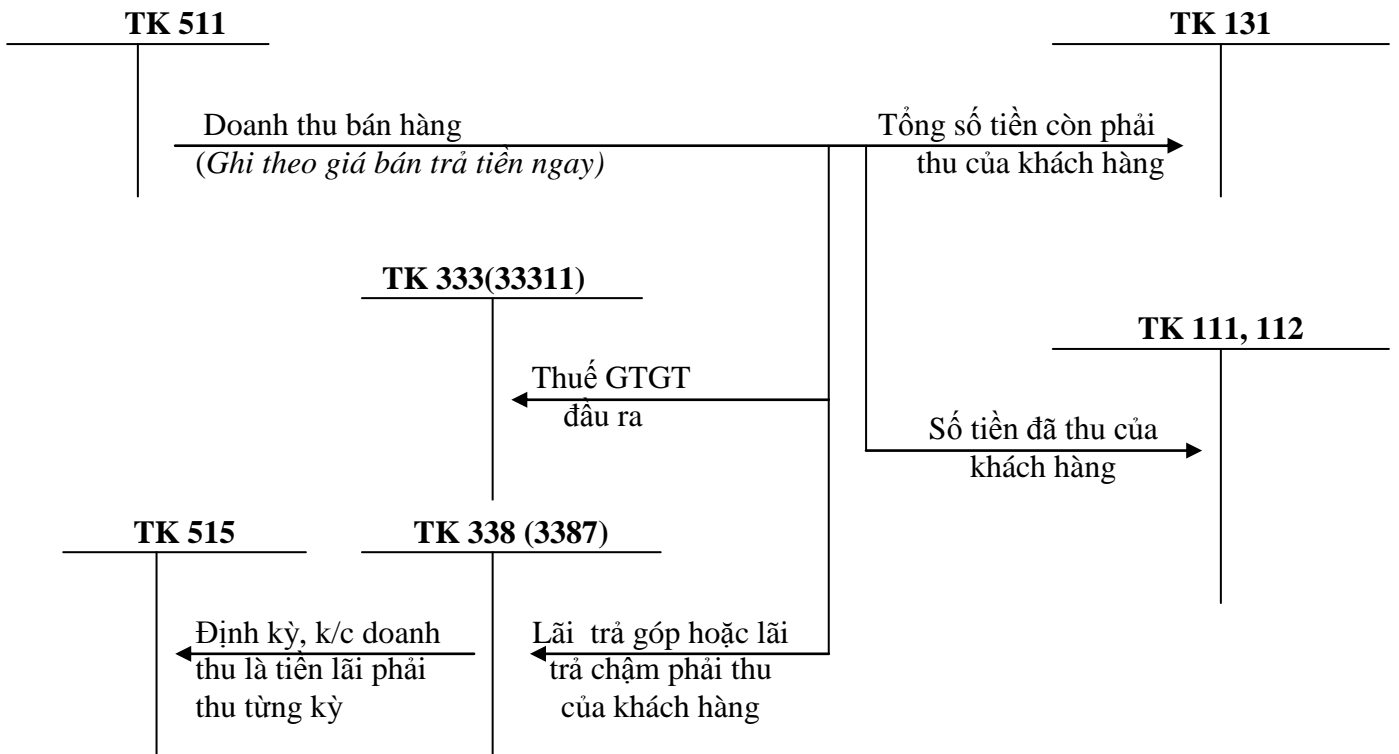


**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**

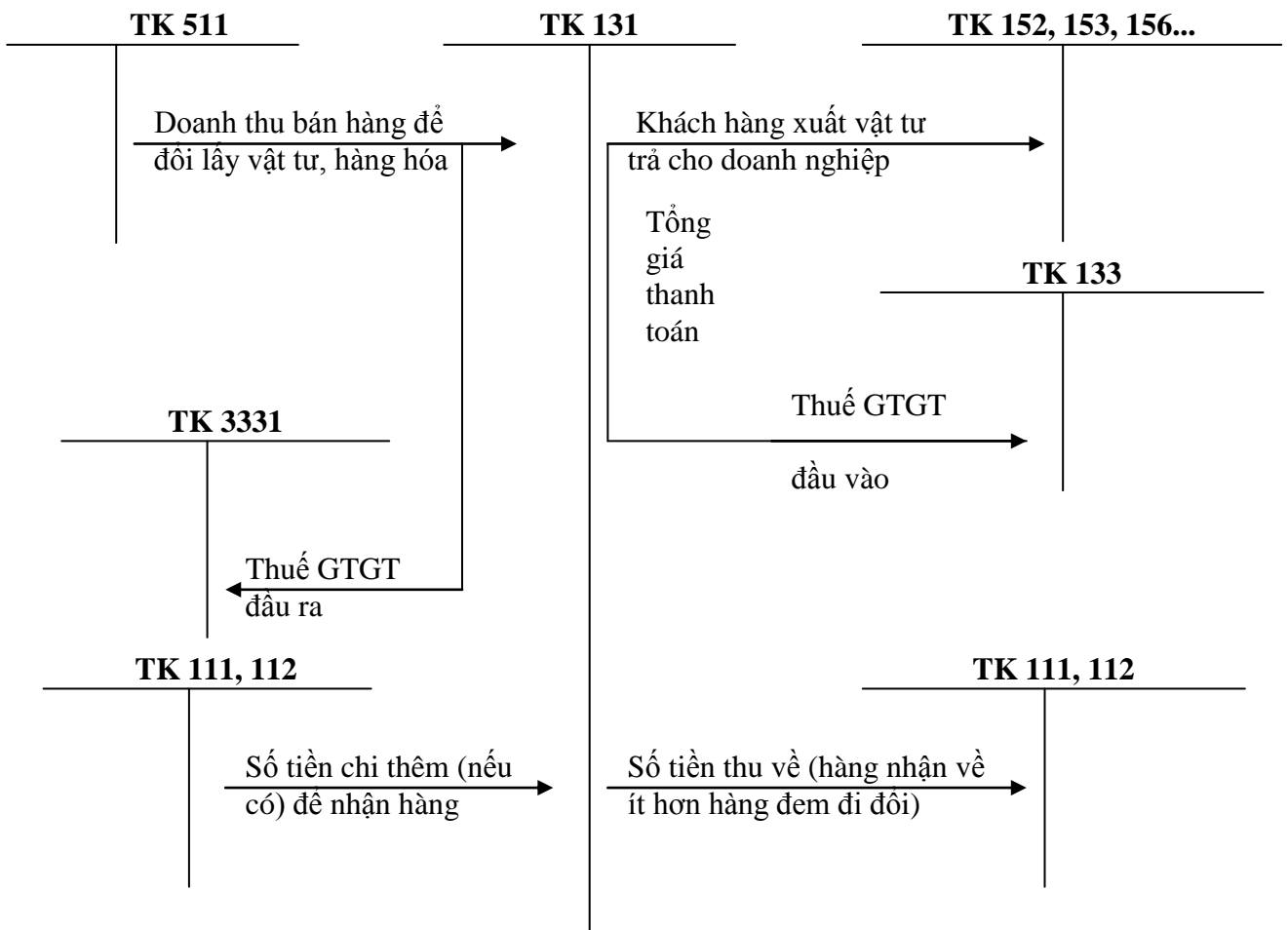


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

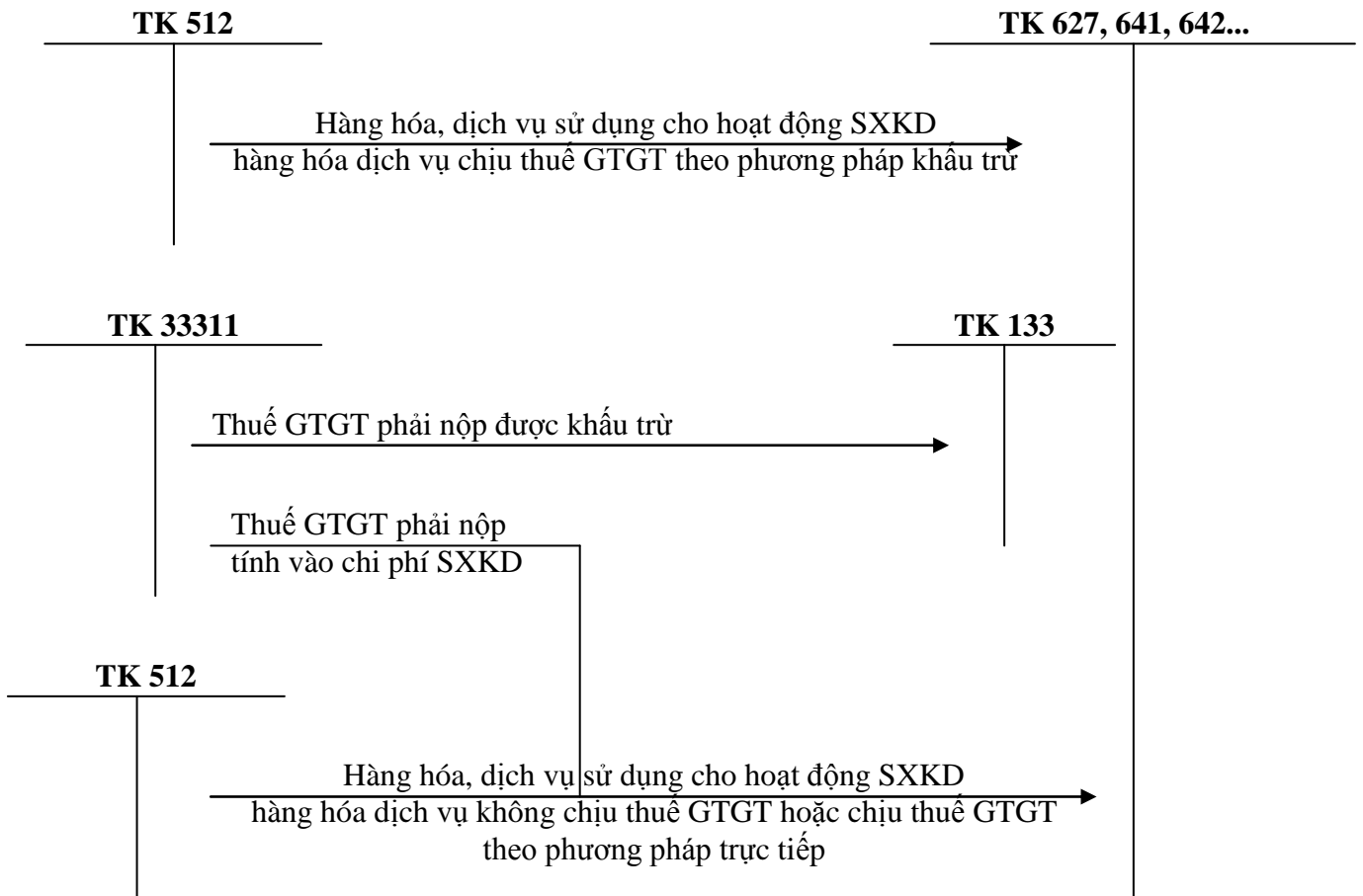
**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp**



**Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ**



**1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường;
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 521 – “Chiết khấu thương mại”

- Kết cấu:

**Bên Nợ:**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

### Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:
  - Tài khoản 5211: Chiết khấu hàng hóa
  - Tài khoản 5212: Chiết khấu thành phẩm
  - Tài khoản 5213: Chiết khấu dịch vụ

➤ Tài khoản 531 – “Hàng bán bị trả lại”

- Kết cấu:

### Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

### Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 532 – “Giảm giá hàng bán”

- Kết cấu:

### Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng hóa kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

### Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

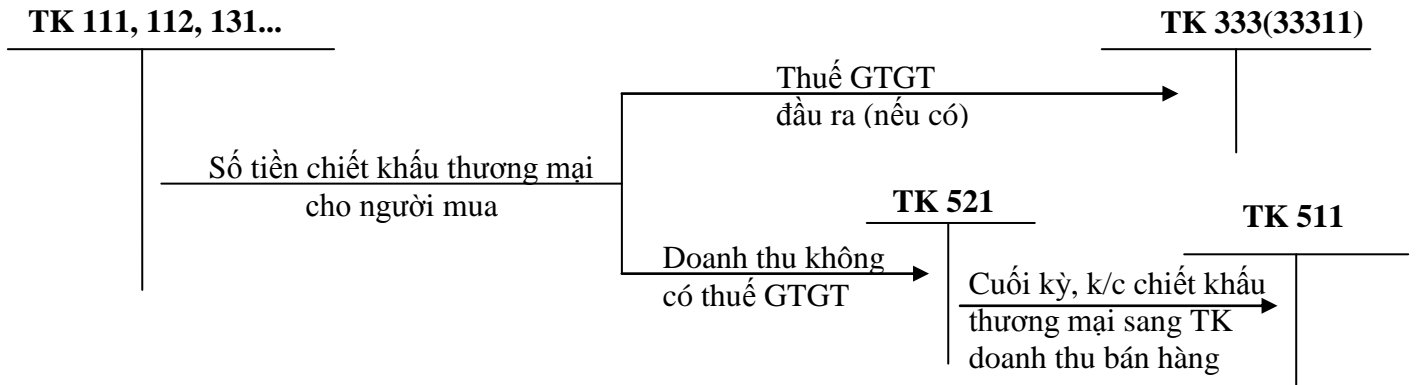


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

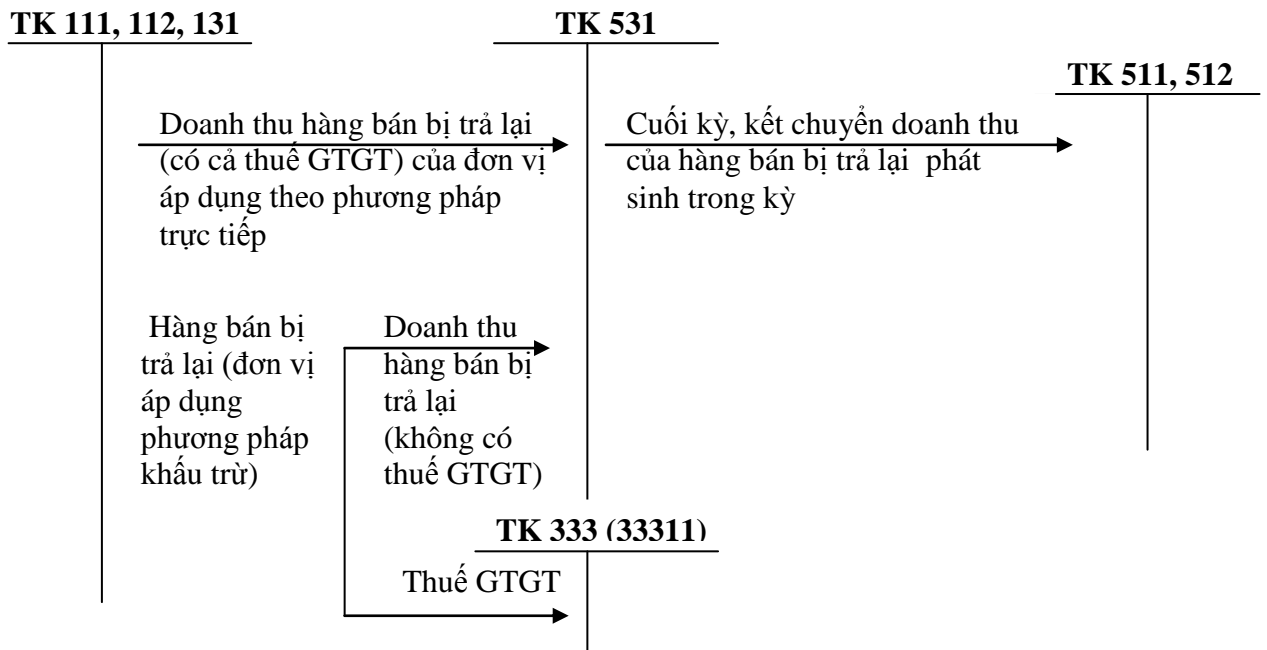
---

❖ Phương pháp hạch toán:

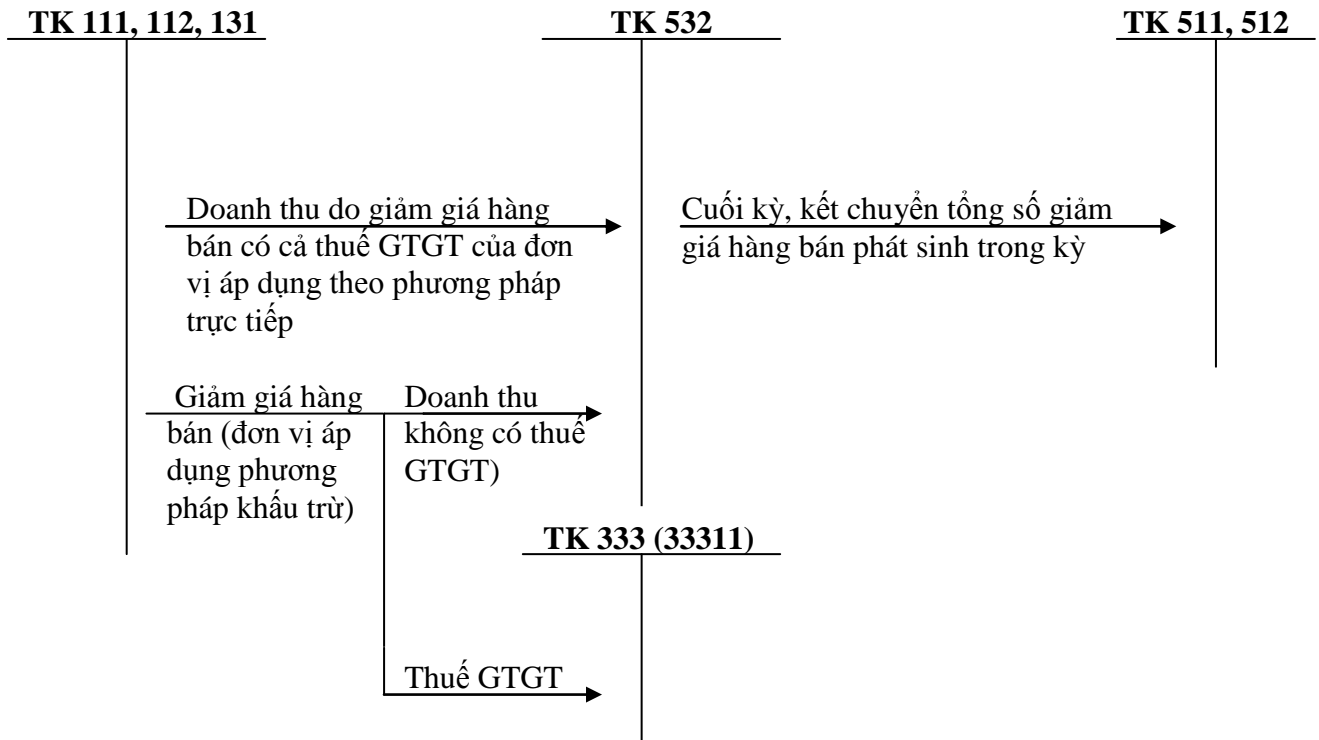
**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại**



**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại**



**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán**



**1.4.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ hoặc các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

$$\text{Giá thực tế hàng hóa} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân xuất kho}$$

▪ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Trong phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”

① *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

Kết cấu của tài khoản 632:

**Bên Nợ:**

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:
  - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ;
  - + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
  - + Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
  - + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự chế, tự xây dựng hoàn thành;
  - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:
  - + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;
  - + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;
  - + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư trong kỳ;
  - + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư trong kỳ.

### **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

② *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ :*

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm Tài khoản 611 – “Mua hàng”

### **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của hàng đã xuất bán trong kỳ;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

### **Bên Có:**

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm Tài khoản 631 – “Giá thành sản xuất”.

### **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

### **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

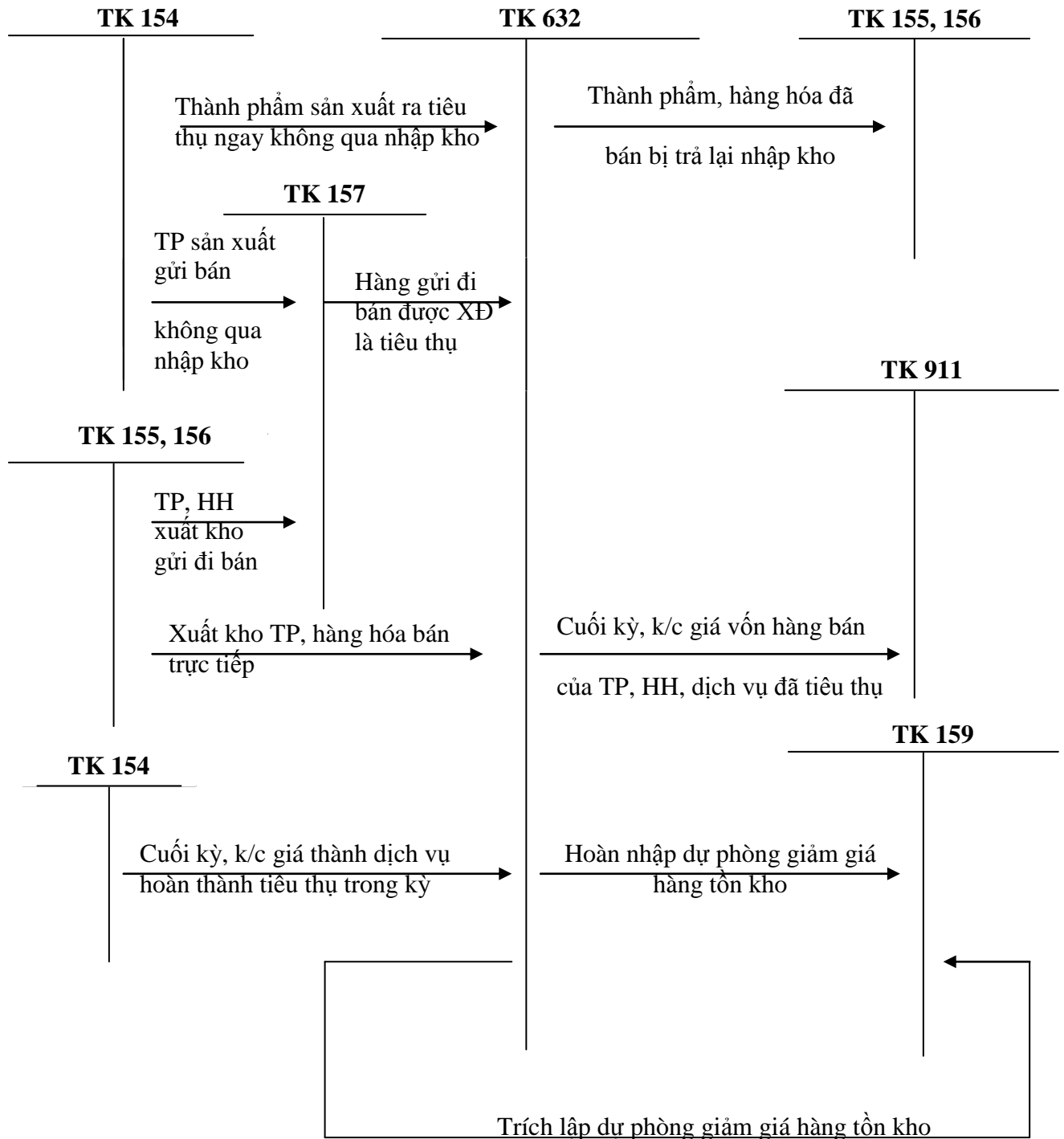
+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ đã hoàn thành vào bên Nợ Tài khoản 911.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán:

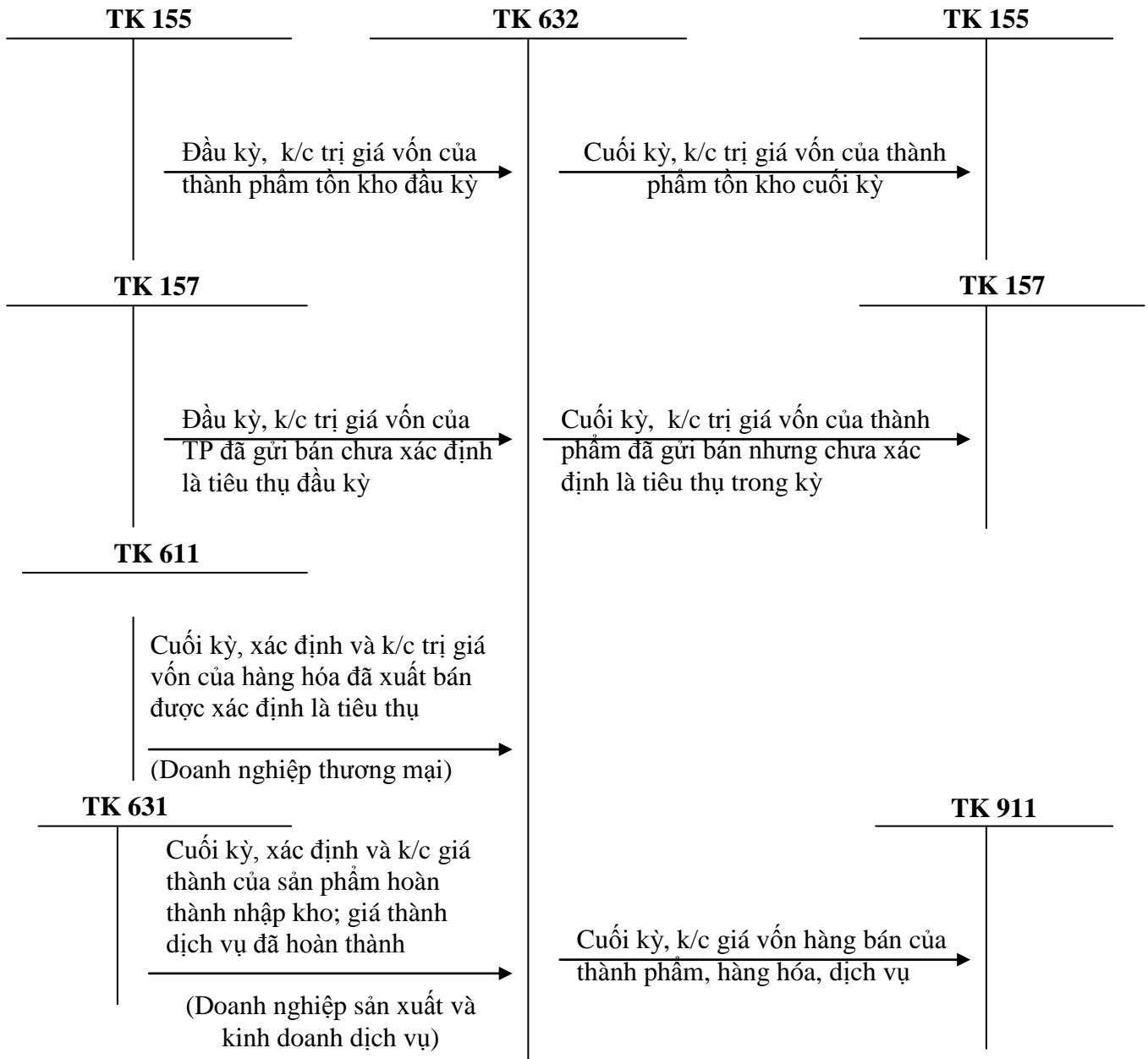
**Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### *Sơ đồ 1.10: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ*





### 1.4.1.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### ❖ Tài khoản sử dụng

##### ➤ Tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng”

- Kết cấu:

**Bên Nợ:** Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

**Bên Có:** Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK6412 – Chi phí vật liệu bao bì
- TK6413 – Chi phí dụng cụ đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành
- TK6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

##### ➤ Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- Kết cấu:

**Bên Nợ:**

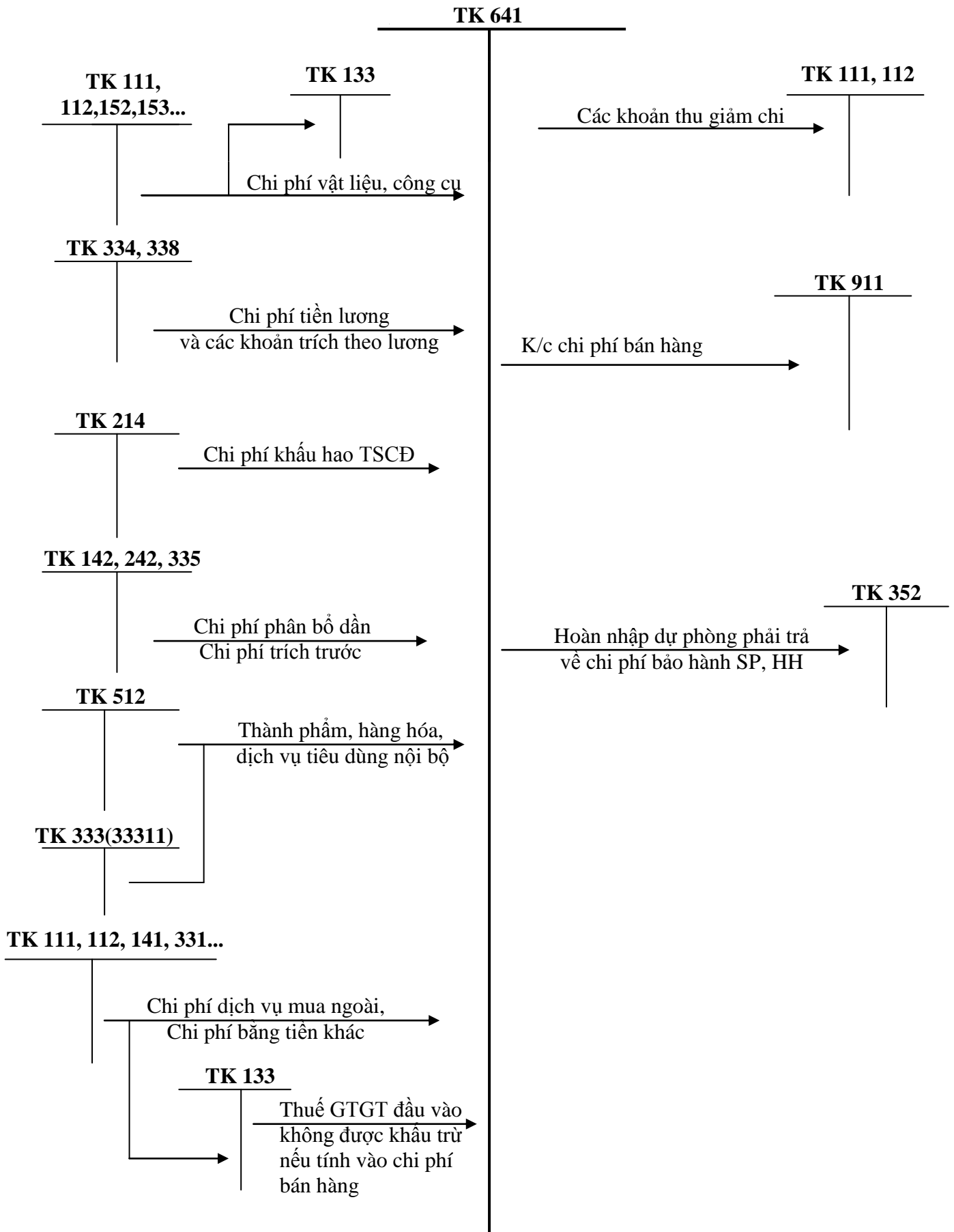
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

### **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
  - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911.
    - Tài khoản cấp 2:
      - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
      - TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
      - TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
      - TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
      - TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
      - TK 6426: Chi phí dự phòng
      - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
      - TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.
- ❖ Phương pháp hạch toán:

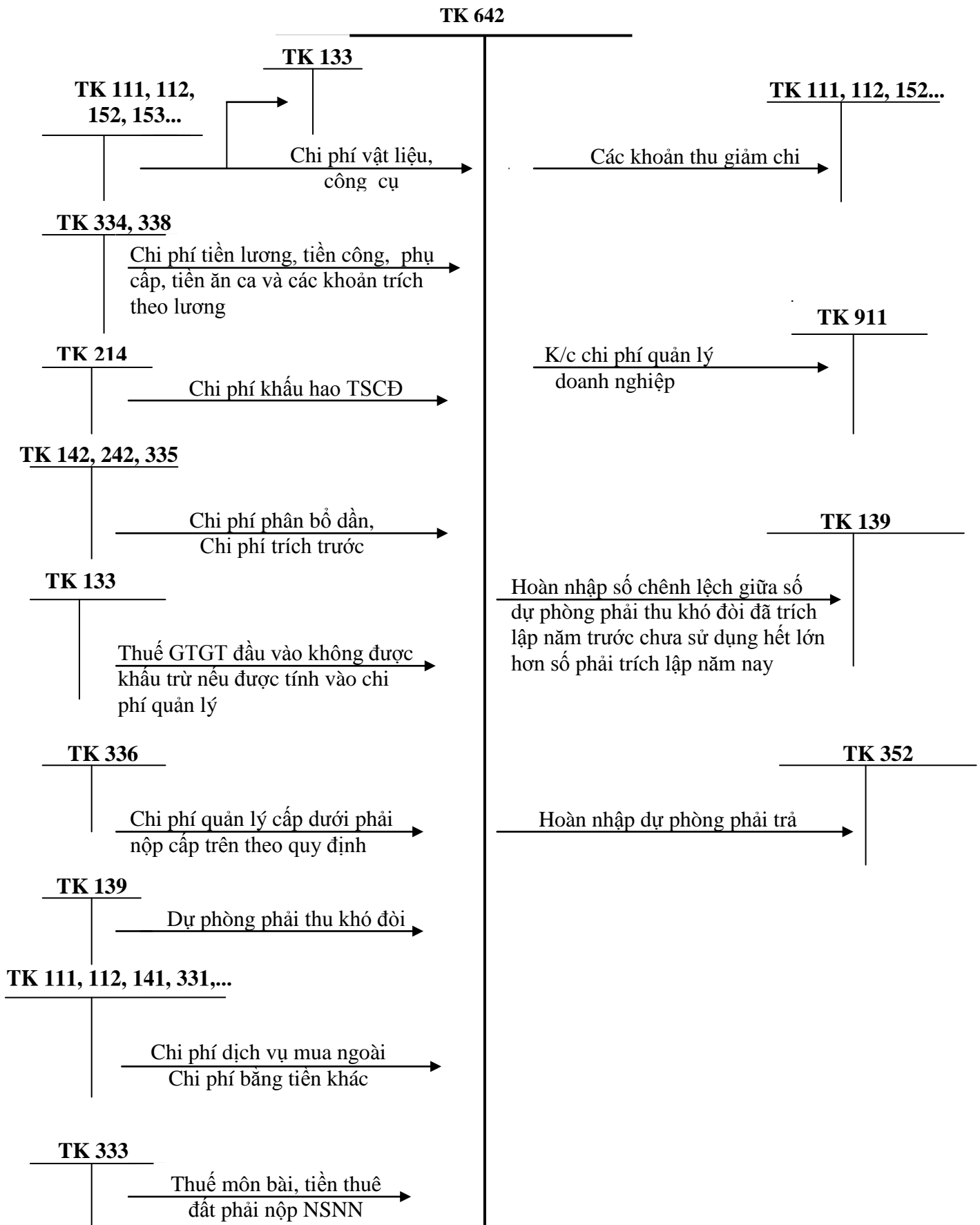
# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí bán hàng



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



### 1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi, Giấy báo Có, Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### ❖ Tài khoản sử dụng:

##### ➤ Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”

- Kết cấu:

#### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### **Bên Có:**

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
  - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
  - Chiết khấu thanh toán được hưởng.
  - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
  - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
  - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
  - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
  - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”

- Kết cấu:

**Bên Nợ:**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
  - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
  - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
  - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
  - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

**Bên Có:**

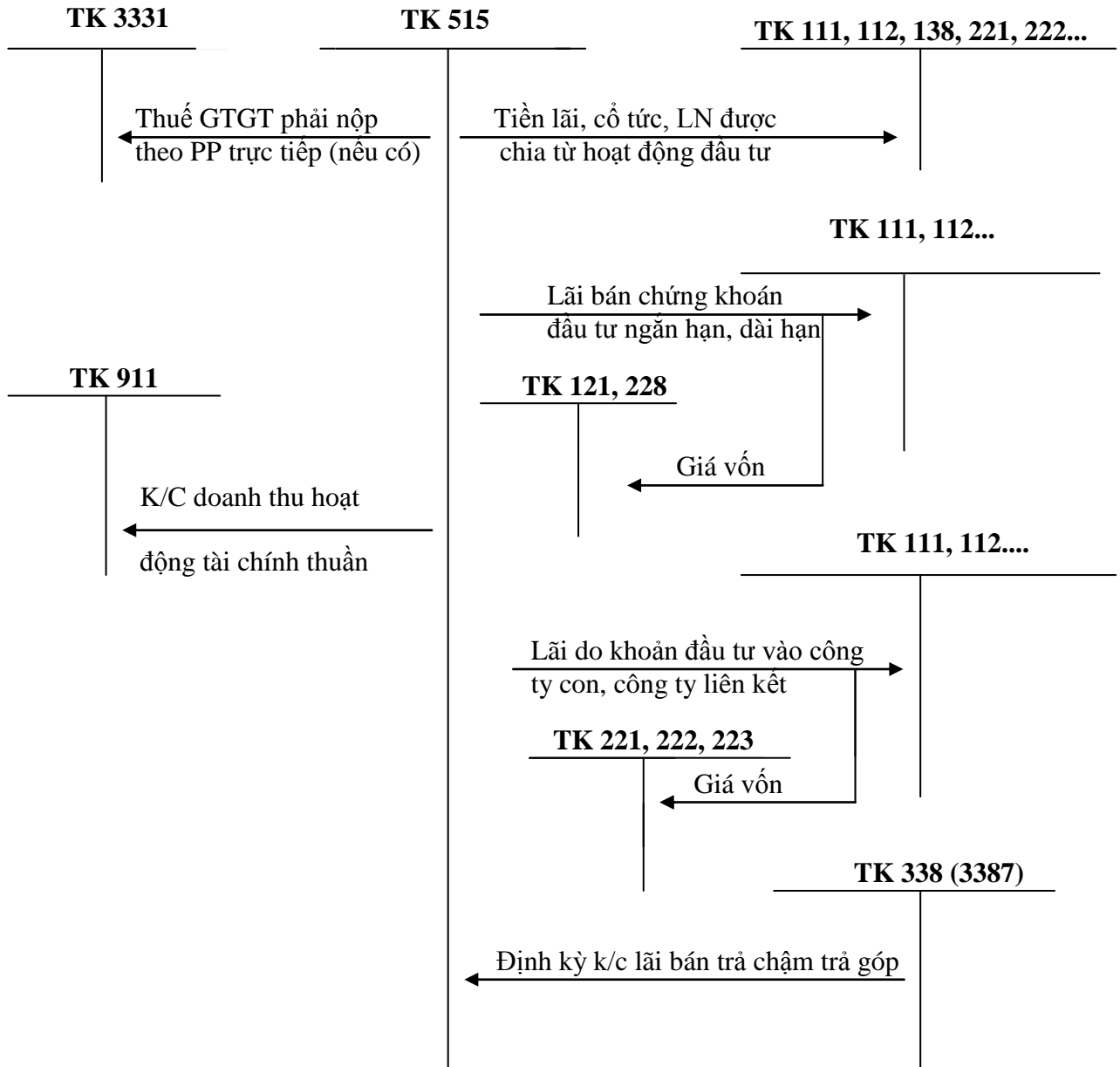
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

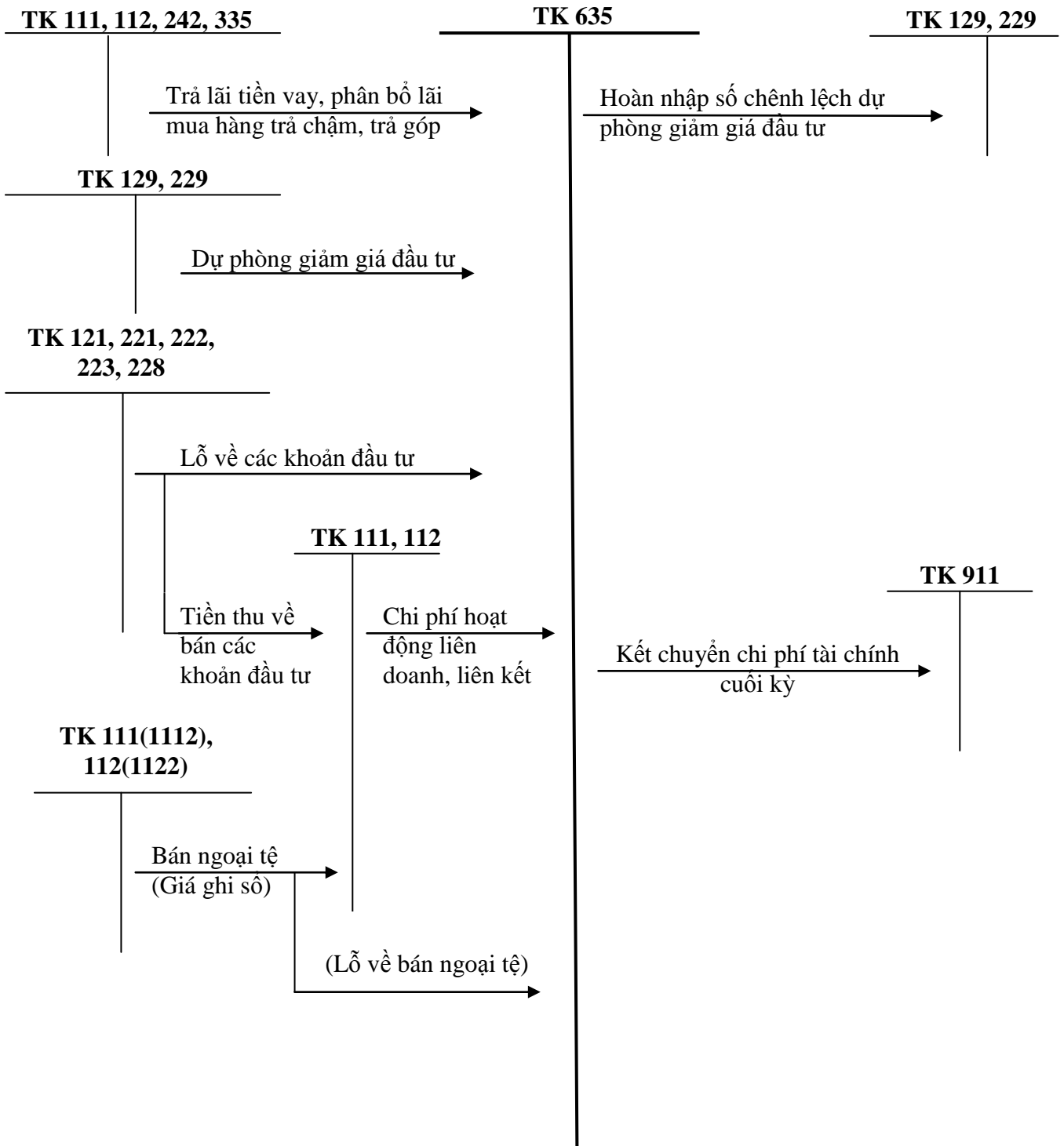
---

❖ Phương pháp hạch toán:

*Sơ đồ 1.13: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*



**Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí tài chính**





### 1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### ❖ Tài khoản sử dụng:

##### ➤ TK 711 – “Thu nhập khác”

- Nội dung: Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:
  - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
  - Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
  - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
  - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
  - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
  - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
  - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.
- Kết cấu:

#### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.

### **Bên Có:**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

#### ➤ TK 811 – “Chi phí khác”

- Nội dung: Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:
  - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (nếu có);
  - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
  - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
  - Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
  - Các khoản chi phí khác.
- Kết cấu:

**Bên Nợ:** Các khoản chi phí khác phát sinh.

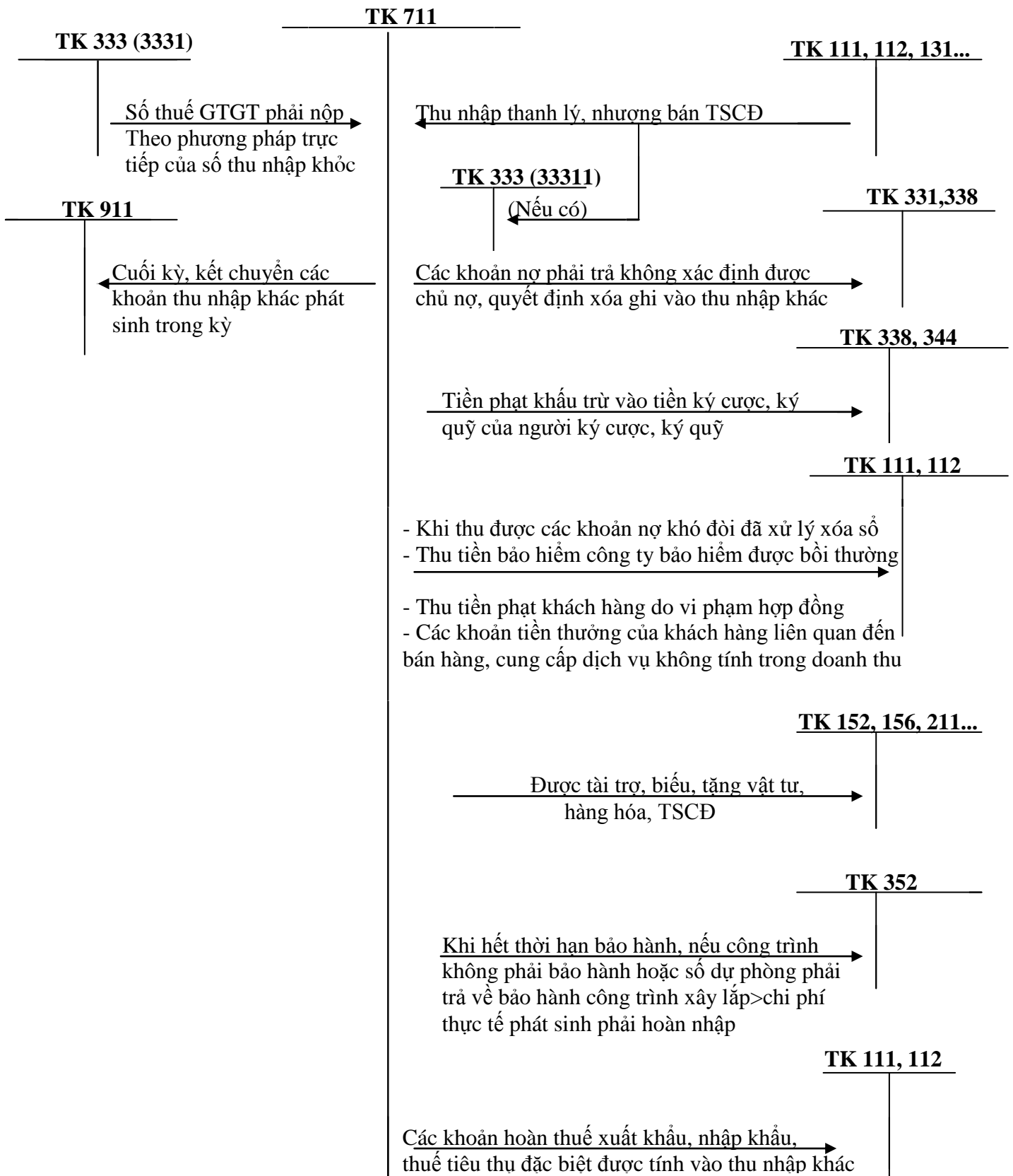
**Bên Có:** Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

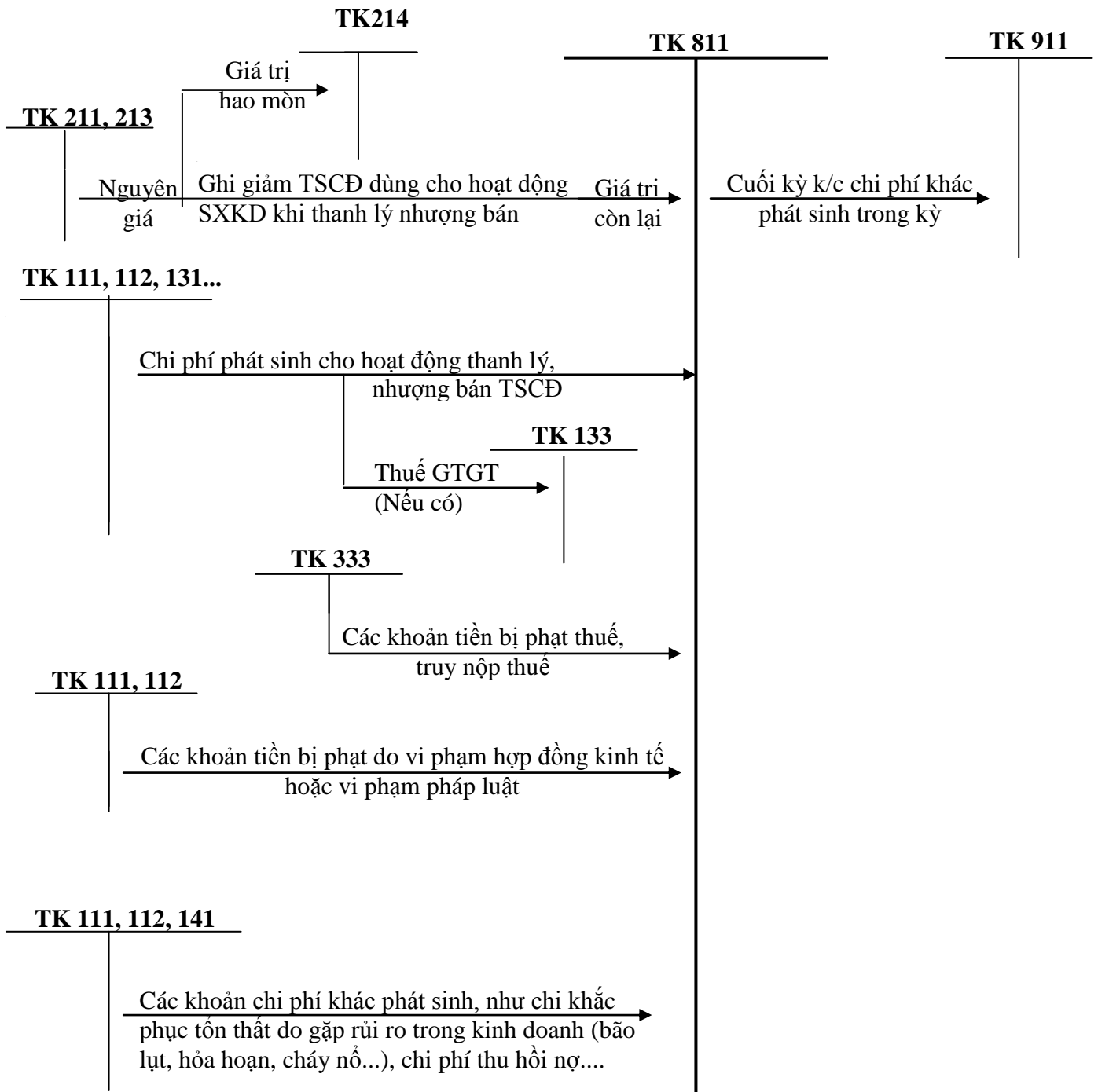
# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## ❖ Phương pháp hạch toán

### Sơ đồ 1.15: Kế toán thu nhập khác



**Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác**



### 1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### ❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

#### ❖ Tài khoản sử dụng:

##### ➤ TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- Tài khoản cấp 2:
  - TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
  - TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- Kết cấu:

#### **Bên Nợ:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện hành.
  - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
  - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)
  - Kết chuyển chênh lệch số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911.

#### **Bên Có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
  - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm).

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm).

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết cấu:

**Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

**Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

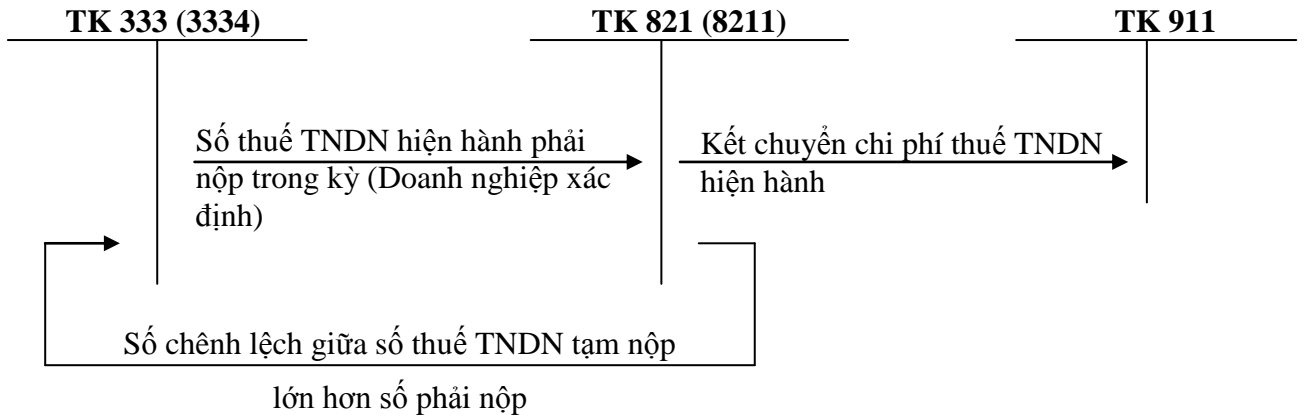
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

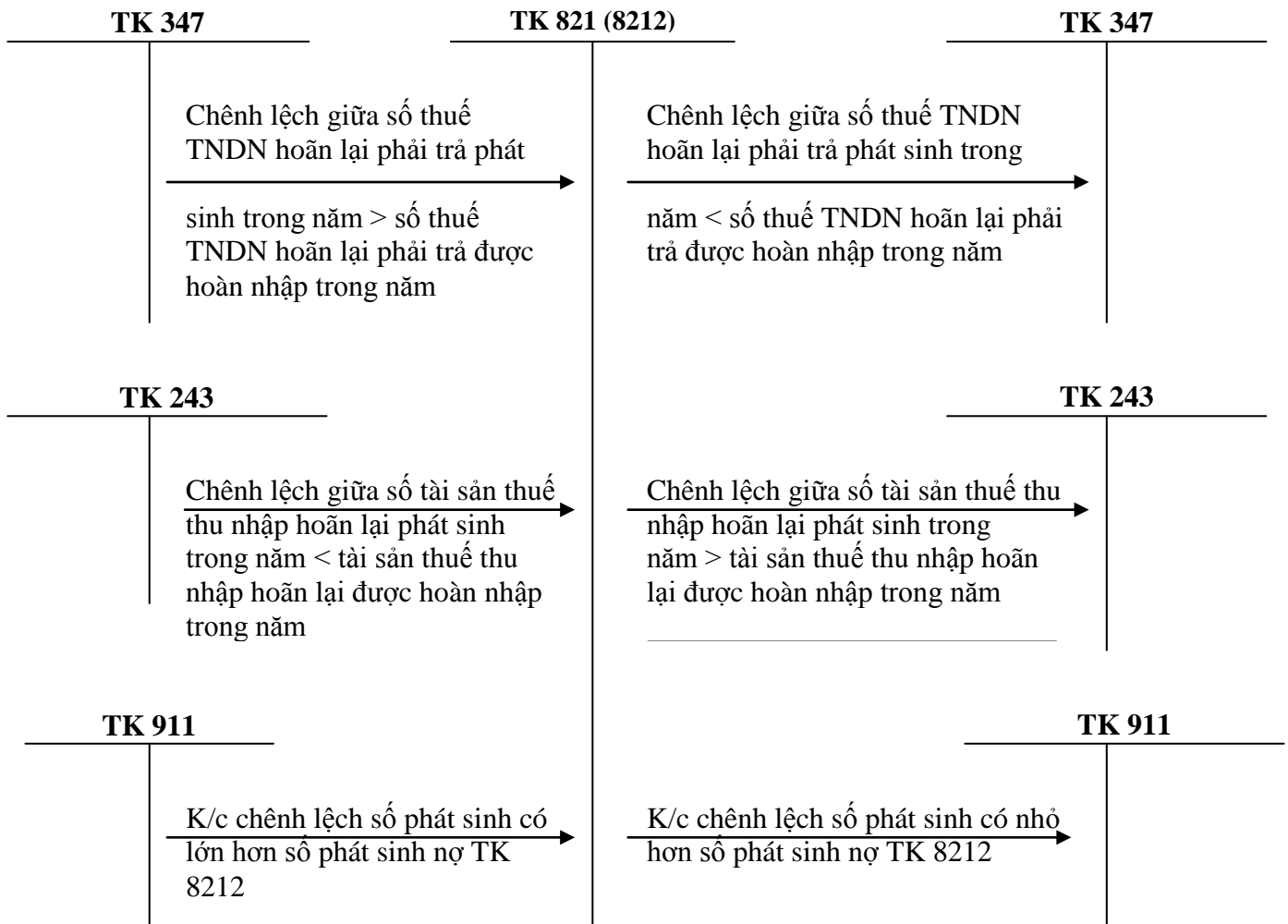
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán:

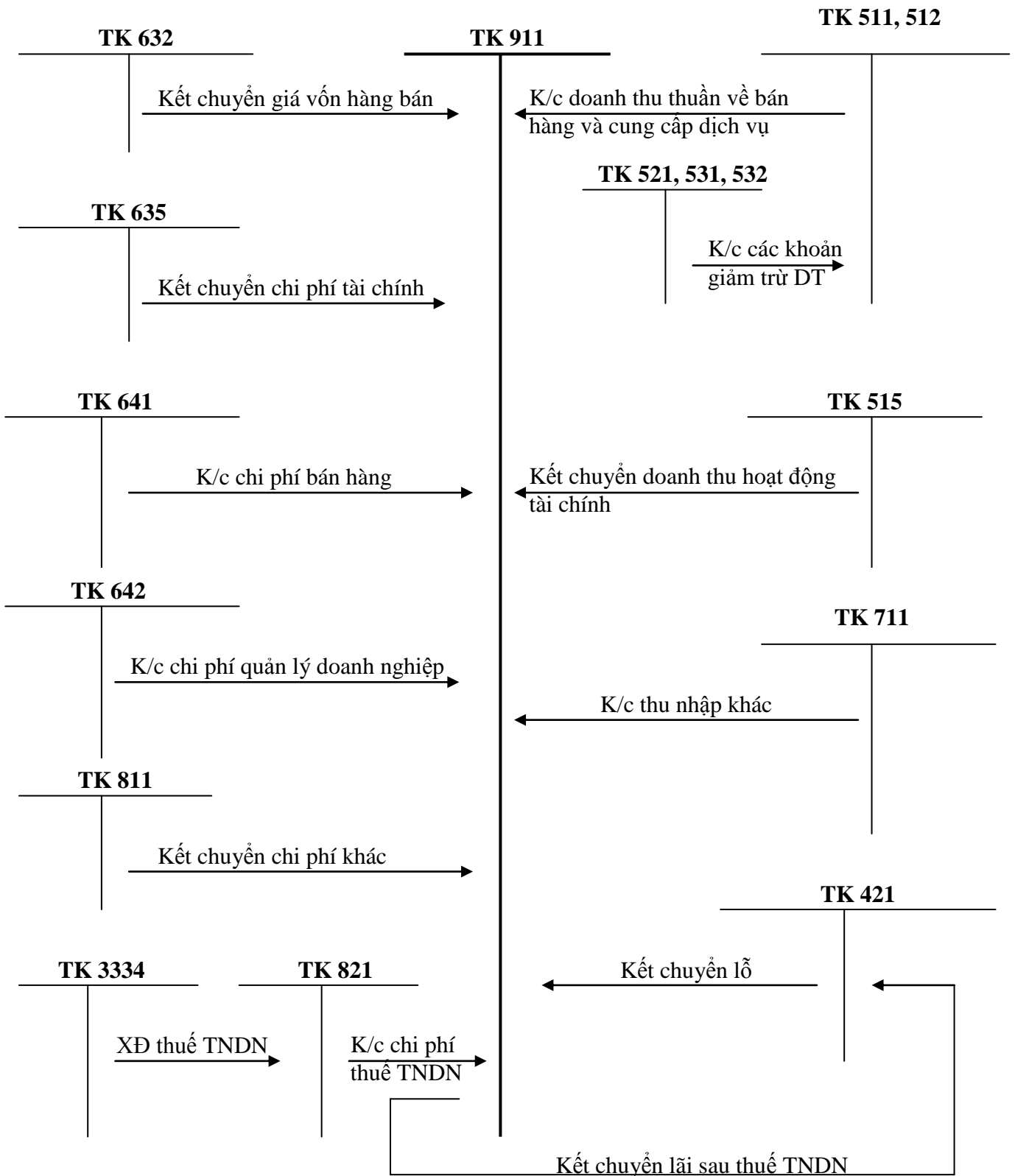
**Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**



**Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**



*Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh*





**1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

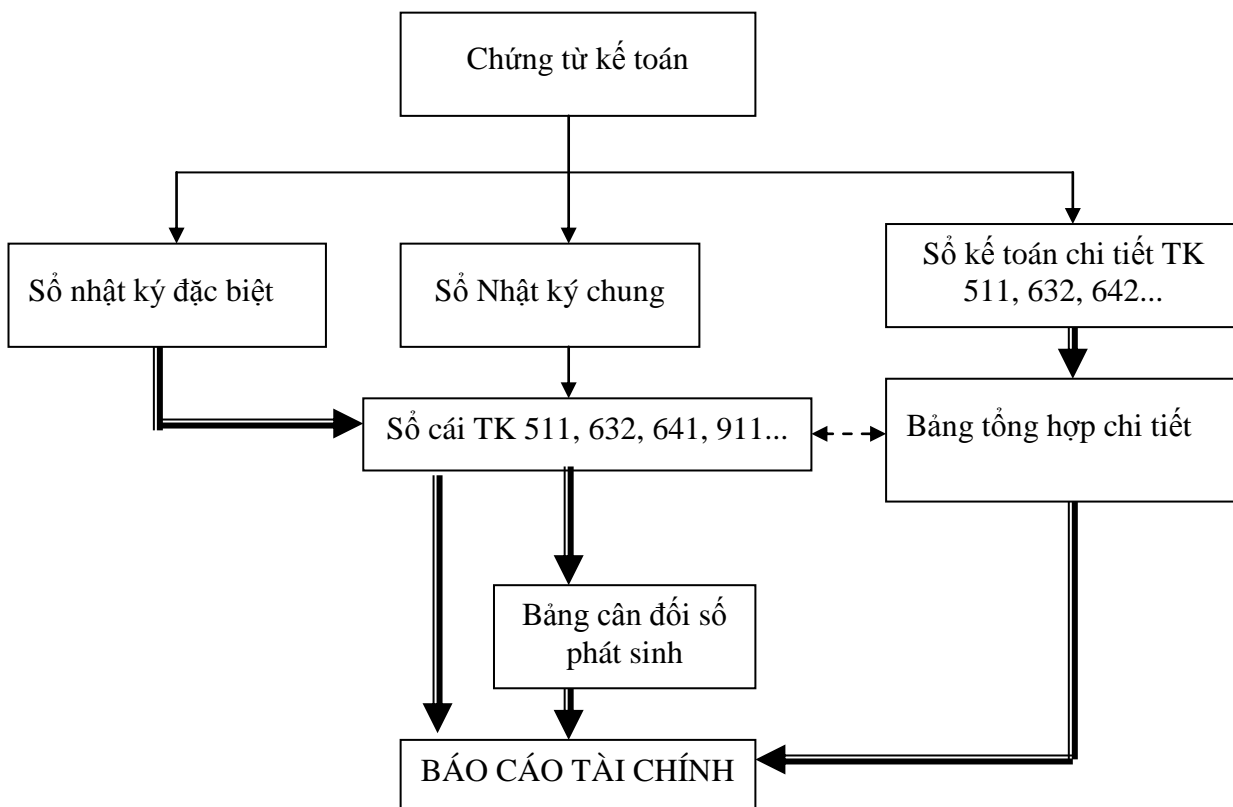
**1.5.1. Hình thức Nhật ký chung**

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái.
- Các sổ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

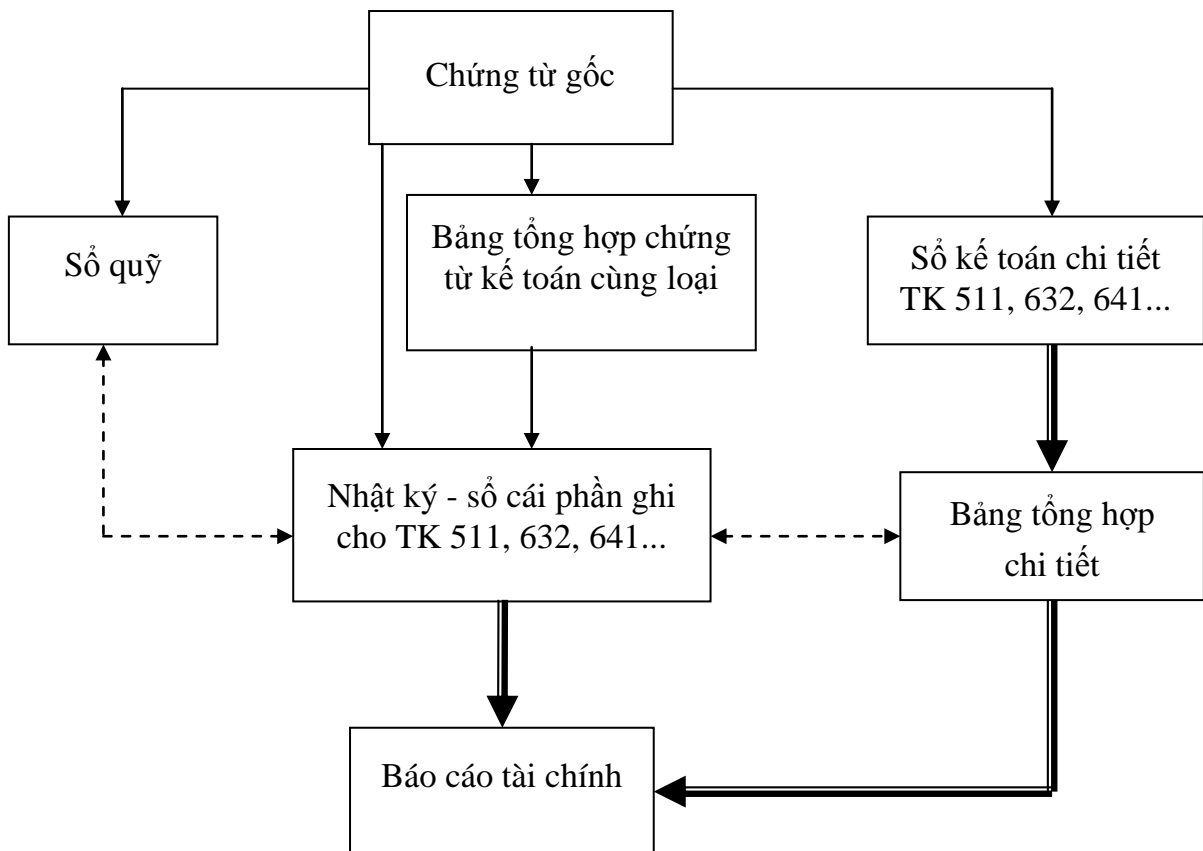
**1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái:**

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

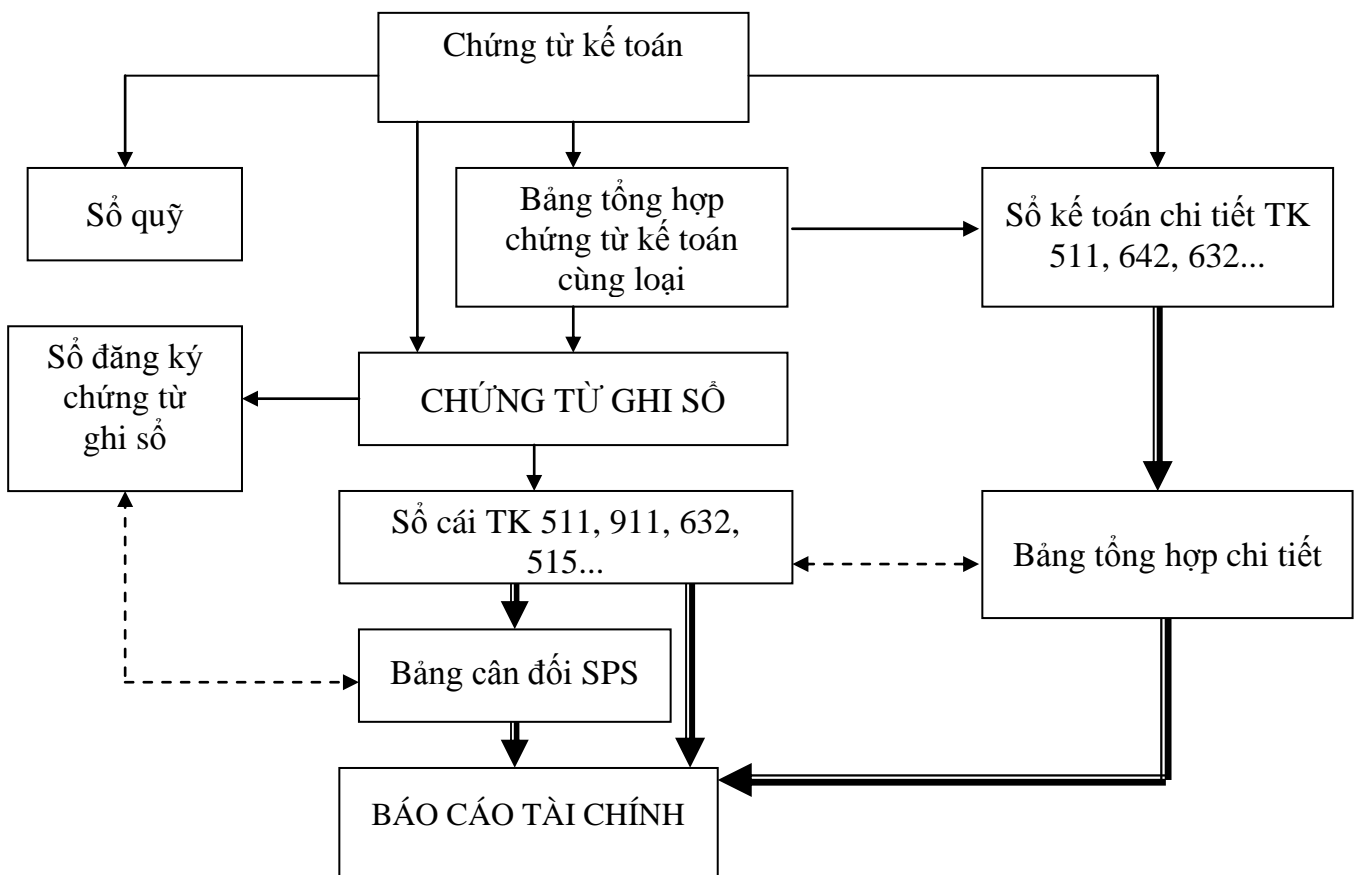
Ghi cuối tháng, cuối kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

**1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ**

- ❖ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”
- ❖ *Các loại sổ chủ yếu:*
  - Chứng từ ghi sổ.
  - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
  - Sổ cái.
  - Các sổ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, cuối kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

**1.5.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ**

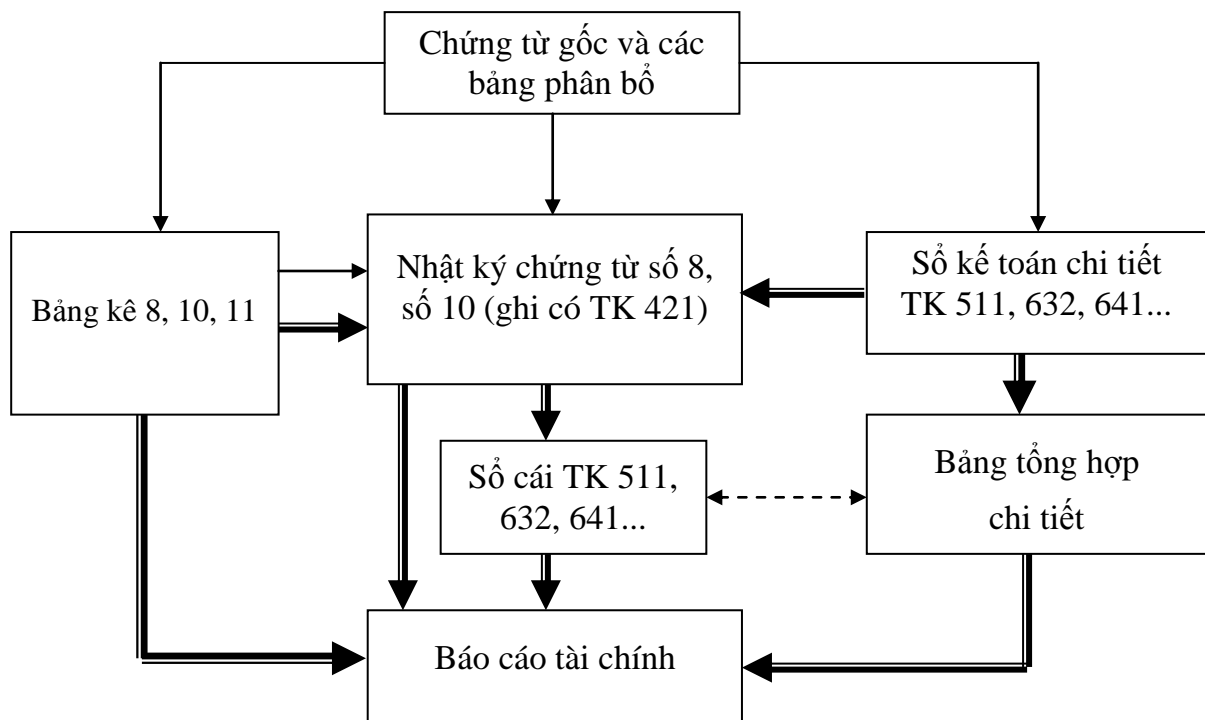
❖ *Đặc trưng cơ bản:*

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái
- Sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ**



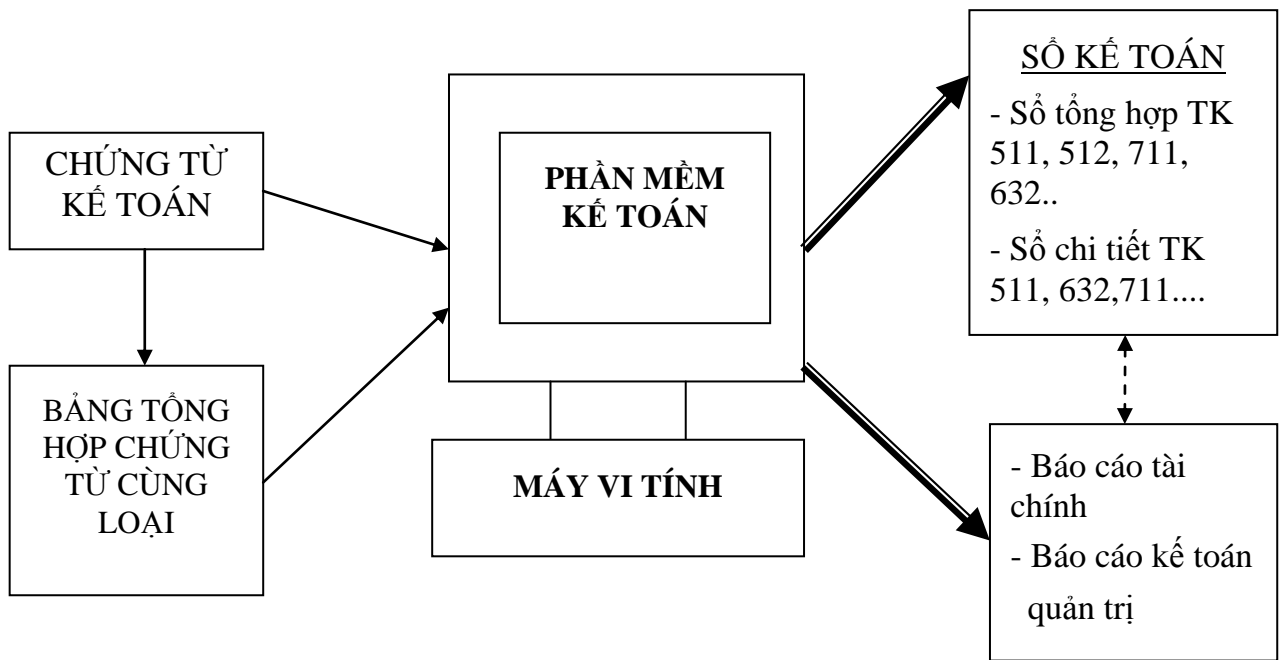
Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- ❖ *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.
- ❖ *Các loại sổ chủ yếu:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính**



- Ghi chú:
- Nhập số liệu hàng ngày
  - ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
  - ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

**2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần khí công nghiệp Vinashin**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**

- Tên công ty (tiếng Việt): Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin
- Tên công ty (tiếng Anh): Vinashin Industrial Gas Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Km9, quốc lộ 5(cũ), phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313.528642 – 0313.528479
- Mã số thuế: 0200761812
- Vốn điều lệ công ty: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin là đơn vị thành viên thứ 12 của Tổng Công ty cổ phần đầu tư Cửa Long Vinashin.
- Công ty được ra đời và thành lập dưới ý tưởng của Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Cửa Long Vinashin, cùng với sự nhất trí cao giữa Tổng công ty và các cổ đông góp vốn.
- Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ tháng 10 năm 2007 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200761812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 09 năm 2007.
- Trải qua hơn bốn năm hoạt động, vẫn là một doanh nghiệp non trẻ, nhưng với quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đang từng bước khẳng định vị trí của mình trên thị trường và có những bước phát triển nhảy vọt, xây dựng thương hiệu mạnh với các đối tác, tạo uy tín với các bạn hàng.
- Mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty đã được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc quán triệt sâu sắc tới từng cán bộ công nhân viên. Đời sống, thu

nhập, các chế độ cho người lao động luôn được Ban giám đốc và Công đoàn quan tâm, chăm lo chu đáo.

### ***2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin***

Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

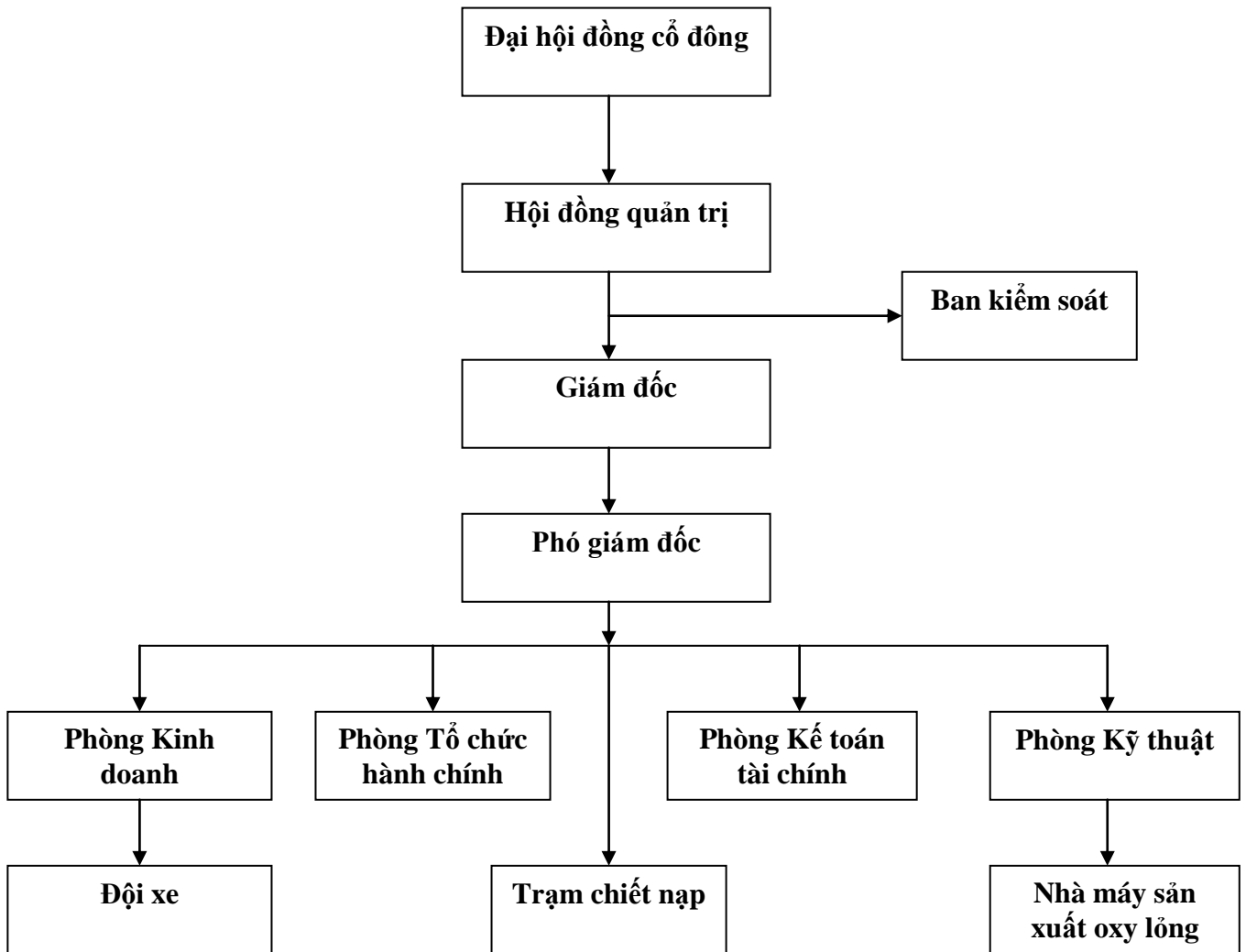
- Bán buôn khí công nghiệp: CO<sub>2</sub>, Argon, Nitơ, CH<sub>4</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>...
- Sản xuất khí công nghiệp: CO<sub>2</sub>, Argon, Nitơ, CH<sub>4</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>...
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Bán buôn xi măng
- Bán buôn kính xây dựng
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
- Bán buôn sắt, thép
- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương...

Trong đó bán buôn khí CO<sub>2</sub> dạng lỏng và dạng khí bình là ngành nghề chính của Công ty.

### ***2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin***

Bộ máy tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo từ trên xuống dưới. Việc tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty được tiến hành, tổ chức sắp xếp hợp lý và xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban.

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**



**\* Chức năng nhiệm vụ từng bộ phận:**

- *Đại hội đồng cổ đông:* Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

- *Hội đồng quản trị:* Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan tới mục đích, quyền lợi của công ty. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển, phương án đầu tư của công ty, có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý quan trọng như Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng...



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- *Ban kiểm soát:* Gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông cử ra có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc thực hiện các phương hướng, chính sách của các bộ phận mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- *Giám đốc:* Điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Hội đồng quản trị và toàn thể lao động về kết quả kinh doanh và tình hình tuân thủ pháp luật của công ty.
- *Phó giám đốc:* Là người tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý kinh tế, quản lý nhân viên, tổ chức điều hành kinh doanh. Có thể nhận ủy quyền của giám đốc để thay mặt giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty đồng thời chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc.
- *Phòng kinh doanh:* Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác để nắm vững khả năng, nguồn lực của công ty; thu thập các thông tin cần thiết, dự báo khả năng và nhu cầu thị trường để tham mưu cho Giám đốc xây dựng phương hướng phát triển, lập kế hoạch kinh doanh.
- *Phòng tổ chức hành chính:* Có nhiệm vụ giải quyết mọi công việc có liên quan tới lao động tiền lương và các công việc văn phòng trong công ty như tiếp nhận các công văn, soạn thảo và lưu trữ các văn bản của Công ty, hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên ...
- *Phòng kế toán:* Có nhiệm vụ tổ chức ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty, tổ chức lưu trữ bảo quản chứng từ; tổng hợp xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính giúp ban giám đốc đưa ra các biện pháp sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh, đảm bảo công ty có vốn hoạt động liên tục.
- *Phòng kỹ thuật:* Có nhiệm vụ tư vấn cho Ban giám đốc về mặt kỹ thuật, chịu trách nhiệm sửa chữa và bảo trì máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...
- *Trạm chiết nạp:* Chiết nạp khí dạng lỏng vào bình đúng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng; bán sản phẩm bình khí trực tiếp tại trạm.
- *Nhà máy sản xuất oxy:* Sản xuất oxy lỏng, hiện đang được tiến hành xây dựng.
- *Đội xe:* Chuyên chở các bồn lỏng, cũng như các bình khí, đảm bảo cung ứng kịp thời, cơ động khi có nhu cầu của khách hàng.

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**

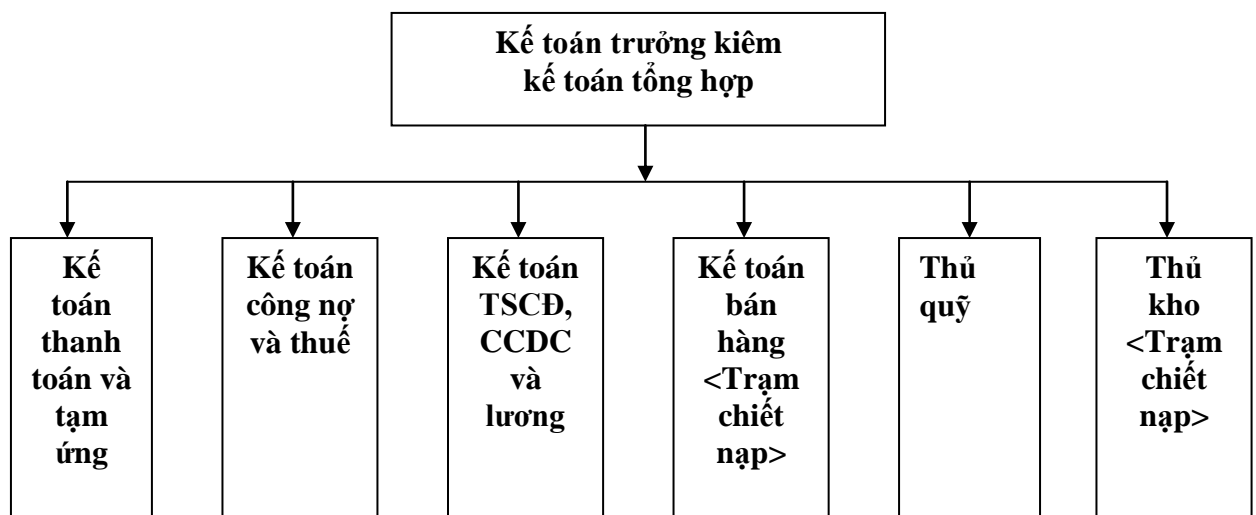
**2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**

Việc tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ, nội dung công tác kế toán trong doanh nghiệp do bộ máy kế toán đảm nhận. Do vậy việc tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho hợp lý gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ và hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán.

Xuất phát từ đặc điểm thực tế về tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh, tình hình phân cấp quản lý thì Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng Kế toán tài chính của công ty để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

Việc tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin được thể hiện như sau:

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**



### **Chức năng nhiệm vụ của từng vị trí như sau:**

- *Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp*: Chịu trách nhiệm với mọi hoạt động của phòng kế toán, tổ chức và chỉ đạo công tác kế toán, thống kê thông tin kế toán và hạch toán kế toán trong công ty, tham mưu cho giám đốc trong các quyết định về tài chính của công ty. Có quyền phân công và chỉ đạo trực tiếp các thành viên kế toán trong công ty. Ngoài ra kế toán trưởng còn tham gia trực tiếp vào công tác hạch toán, phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành, tổng hợp và lập các báo cáo tài chính cuối kỳ.

- *Kế toán thanh toán và tạm ứng*: Chịu trách nhiệm với mọi hoạt động liên quan tới nhập xuất tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; tạm ứng và thanh toán tạm ứng; các hoạt động về vay và trả nợ vay. Lập, lưu trữ các chứng từ và lập sổ sách, báo cáo có liên quan tới các nghiệp vụ trên.

- *Kế toán công nợ và thuế*: Theo dõi công nợ phải thu, phải trả. Có trách nhiệm đôn đốc khách hàng để thu nợ. Lập các báo cáo liên quan tới thuế hàng tháng, quý, năm. Lưu trữ các chứng từ và lập sổ sách, báo cáo có liên quan tới các nghiệp vụ trên.

- *Kế toán TSCĐ, công cụ dụng cụ và lương*: Có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm về số lượng, giá trị, tình hình sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ ở các bộ phận trong doanh nghiệp. Tính khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ. Theo dõi tiền lương, tiền thưởng, các loại thuộc tiền lương phải trả cho người lao động, thực hiện tính và thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên công ty.

- *Thủ quỹ*: Có nhiệm vụ thực hiện việc thu chi, quản lý tiền mặt phục vụ cho việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, đối chiếu với số liệu ở sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

- *Kế toán bán hàng (Trạm chiết nạp)*: Theo dõi, thống kê tình hình nhập xuất các vỏ bình khí và doanh thu trực tiếp từ chiết nạp khí đóng bình đem lại. Tập hợp số liệu, lập báo cáo doanh thu trạm chiết nạp cuối tháng cho Kế toán trưởng và Giám đốc.

- *Thủ kho (Trạm chiết nạp)*: Theo dõi, kiểm soát tình hình nhập xuất vỏ bình khí của công ty. Theo dõi công nợ vỏ bình khí với từng đối tượng khách hàng. Lập các chứng từ như phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, lập sổ sách có liên quan.

Tất cả kế toán có quan hệ chặt chẽ với nhau theo một trình tự nhất định. Mỗi kế toán chịu trách nhiệm về công việc của mình trước kế toán trưởng cũng như ban lãnh đạo công ty.

### *2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin*

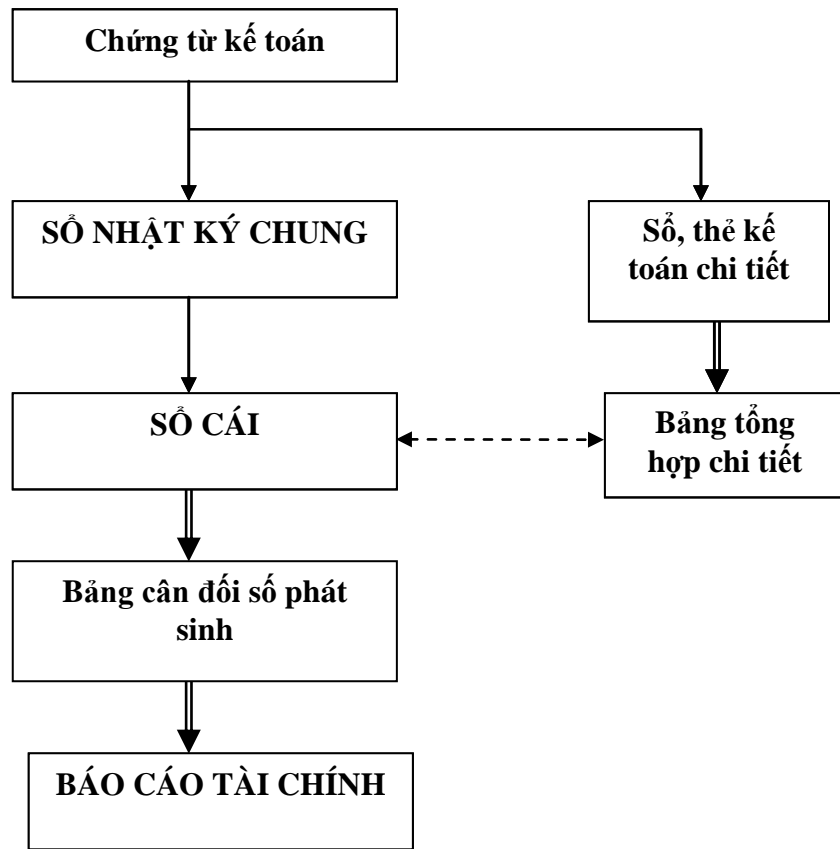
Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ; tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn và tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin là công ty có quy mô vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại, nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối nhiều, để đơn giản hóa cho công tác kế toán, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” với các biểu mẫu đơn giản được thực hiện trên máy vi tính với thao tác hạch toán trên bảng tính Excel và Word.

*\* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:*

*Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hàng ngày, các chứng từ gốc được dùng làm căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ chi tiết thì đồng thời phải ghi vào sổ, thẻ chi tiết liên quan.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán của công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán của công ty là năm.

Sổ sách chứng từ của công ty theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin

#### 2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động kinh doanh

##### 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng

\* Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, Đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận...
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có, phiếu kế toán...
- Các chứng từ liên quan khác

\* Phương thức bán hàng: Trực tiếp

\* Hình thức thanh toán: Tiền mặt và chuyển khoản

\* Sổ sách sử dụng:

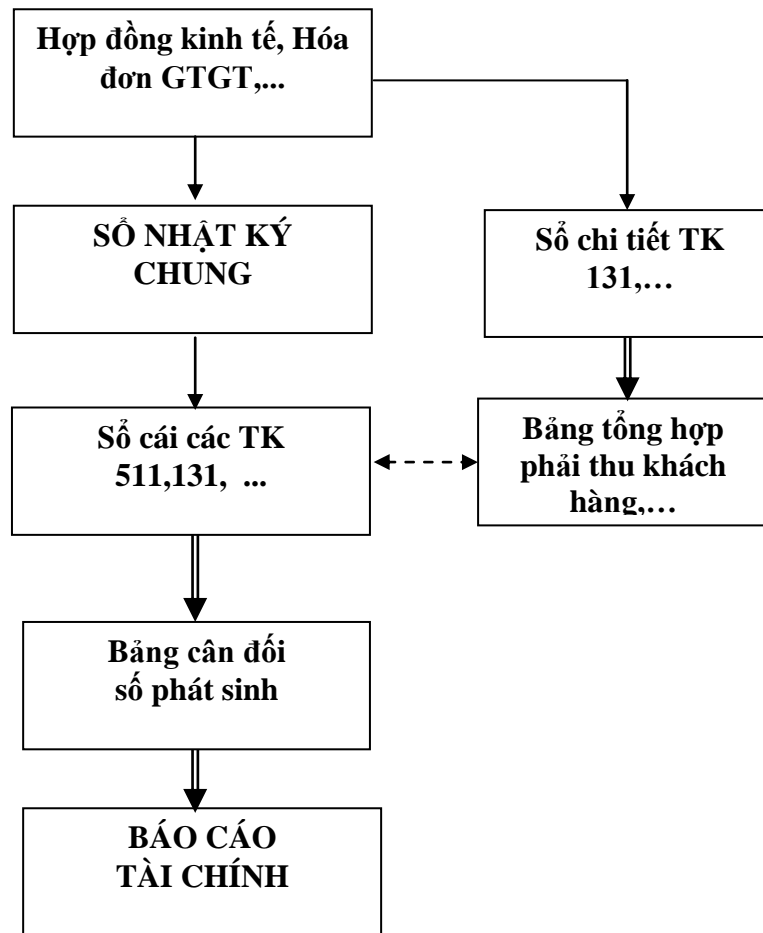
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết các TK liên quan
- Sổ cái các TK liên quan: 511, 911, 131, 3331...

\* Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng

\* Phương pháp hạch toán:

*Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

*\* Ví dụ minh họa :*

**Ví dụ 2.1:** Ngày 27/12/2011 Công ty TNHH KCN Messer Hải Phòng mua 23.980 kg CO<sub>2</sub> lỏng, đơn giá bán 2.900đ/kg, chưa thanh toán.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế giữa 2 công ty, kế toán lập Hóa đơn GTGT0000453:



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ  
Ngày 27 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

AA/11P

0000453

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin.....  
Địa chỉ: Km9 QL5 cũ, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.....  
Số tài khoản:.....  
Điện thoại.....MS.....0200761812.....  
Họ tên người mua hàng: .....  
Tên đơn vị: Công ty TNHH KCN Messer HP .....  
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, huyện An Dương, Hải Phòng .....  
Số tài khoản: .... 3003826002.....  
Hình thức thanh toán:.....MS.....0200134811.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	CO2 lỏng	kg	23.980	2.900	69.542.000
Cộng tiền hàng					69.542.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		6.954.200	
Tổng cộng tiền thanh toán					76.496.200
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng.					

Người mua hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)  
In tại Công ty CP đồ họa chuyên nghiệp. Mã số thuế:0200638946

**Ví dụ 2.2:** Ngày 31/12/2011 Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Khí công nghiệp Sao Mai tại Hải Phòng mua 60 bình khí CO<sub>2</sub>, đơn giá bán 90.000đ/bình, chưa thanh toán.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế giữa 2 công ty, kế toán lập Hóa đơn GTGT 0000474:

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000453, 0000474 Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK511, Sổ chi tiết phải thu khách hàng. Cuối kỳ, từ Sổ chi tiết phải thu khách hàng vào Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001  
AA/11P  
0000474

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin.....  
Địa chỉ: Km9 QL5 cũ, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.....  
Số tài khoản:.....  
Điện thoại.....MS.....0200761812.....  
Họ tên người mua hàng: .....  
Tên đơn vị: CN Công ty TNHH TM&ĐT Khí công nghiệp Sao Mai tại HP.....  
Địa chỉ: Cam Lộ 2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng .....  
Số tài khoản: .....  
Hình thức thanh toán:.....MS..... 0101148235001.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Sản phẩm CO2	Bình	60	90.000	5.400.000
Cộng tiền hàng					5.400.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		540.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					5.940.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)  
In tại Công ty CP đồ họa chuyên nghiệp. Mã số thuế:0200638946

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
		Tháng 12 / 2011				
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
HĐ 0000452	26/12	Bán bình khí CO2 cho Cty CP TM Hùng Biện	111		2.079.000	
		DT bán bình khí CO2		511		1.890.000
		Thuế VAT đầu ra		3331		189.000
HĐ 0000453	27/12	Bán CO2 lỏng cho Cty Messer	131MS		76.496.200	
		DT bán CO2 lỏng		511		69.542.000
		Thuế VAT đầu ra		3331		6.954.200
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
HĐ 0000473	31/12	Bán bình khí CO2 cho Cty TNHH Hùng Vương	111		2.574.000	
		DT bán bình khí CO2		511		2.340.000
		Thuế VAT đầu ra		3331		234.000
HĐ 0000474	31/12	Bán bình khí CO2 cho Cty Sao Mai HP	131SM		5.940.000	
		DT bán bình khí CO2		511		5.400.000
		Thuế VAT đầu ra		3331		540.000
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng → TK911	511		19.211.342.000	
				911		19.211.342.000
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- Số ĐDK</b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
		.....			
HĐ 0000452	26/12	Bán bình khí CO2 cho Cty CP TM Hùng Biện	111		1.890.000
HĐ 0000453	27/12	Bán CO2 lỏng cho Cty Messer	131MS		69.542.000
		.....			
HĐ 0000473	31/12	Bán bình khí CO2 cho Cty TNHH Hùng Vương	111		2.340.000
HĐ 0000474	31/12	Bán bình khí CO2 cho Cty Sao Mai HP	131SM		5.400.000
		.....			
.....	.....	.....		.....	.....
PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng → TK911	911	19.211.342.000	
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>19.211.342.000</b>	<b>19.211.342.000</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán**

\* *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kê toán
- Các chứng từ liên quan khác

\* *Sổ sách sử dụng:*

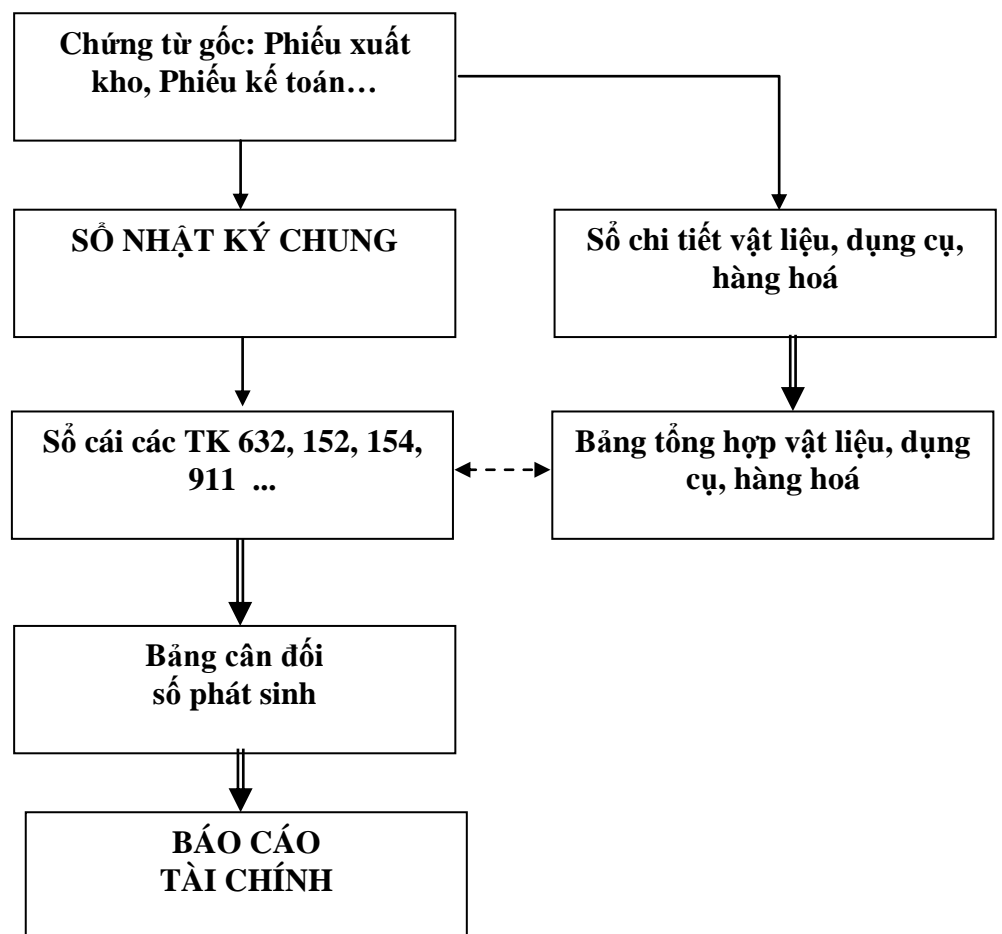
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết các TK liên quan
- Sổ cái các TK liên quan: 632, 911, 152, 154, 155...

\* *Tài khoản sử dụng*

- TK 632: Giá vốn hàng bán

\* *Phương pháp hạch toán:*

**Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán**



Ghi chú: Ghi hàng ngày       $\longrightarrow$   
Ghi cuối kỳ             $\Longrightarrow$   
Đối chiếu, kiểm tra     $\longleftrightarrow$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

\* Phương pháp tính:

- Công ty CP Khí công nghiệp Vinashin thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

- Với CO2 lỏng:

+ Bộ phận kinh doanh của Công ty phụ trách việc kinh doanh CO2 lỏng, nhân viên đi lấy hàng và giao hàng bằng xe bồn. Khối lượng CO2 lỏng nhập và xuất được cân đặc trưng và có Phiếu cân hàng, căn cứ Phiếu cân hàng, BP kinh doanh lập Phiếu nhập kho và Phiếu xuất kho. BP kinh doanh theo dõi lượng nhập trên “Bảng kê nhập CO2 lỏng trong tháng”, theo dõi lượng xuất trên “Bảng kê xuất CO2 lỏng trong tháng”. Sau đó, Phiếu nhập kho và xuất kho được chuyển cho Kế toán, Kế toán lập Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hóa đối với CO2 lỏng.

+ Cuối tháng, căn cứ “Sổ chi tiết VL,DC,HH CO2 lỏng”, đối chiếu với “Bảng kê nhập CO2 lỏng trong tháng”, Kế toán tính đơn giá xuất CO2 lỏng.

$$\text{Đơn giá xuất CO2 lỏng} = \frac{\text{Trị giá nhập CO2 lỏng trong tháng}}{\text{Tổng lượng nhập CO2 lỏng trong tháng}}$$

*(Toàn bộ lượng CO2 lỏng ở xe bồn nếu không xuất bán hết sẽ được xuất vào bồn trạm chiết nạp của Công ty để chiết bình khí CO2, vì vậy không có lượng CO2 lỏng tồn ở xe bồn.)*

+ Kế toán căn cứ “Sổ chi tiết VL,DC,HH CO2 lỏng”, đối chiếu với “Bảng kê xuất CO2 lỏng trong tháng” và đơn giá xuất CO2 lỏng để tính Giá vốn hàng bán CO2 lỏng và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đối với lượng CO2 lỏng xuất vào bồn trạm nạp.

$$\text{Giá vốn hàng bán CO2 lỏng} = \text{Tổng lượng CO2 lỏng xuất bán} \times \text{Đơn giá xuất CO2 lỏng}$$

+ Kế toán sử dụng Phiếu kế toán để ghi nhận bút toán phản ánh Giá vốn hàng bán CO2 lỏng và Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Với bình khí CO<sub>2</sub>:

+ Hàng ngày, Kế toán trạm lập Phiếu xuất kho và theo dõi số lượng bình khí xuất trên “Bảng kê xuất sản phẩm CO<sub>2</sub>”. Sau đó, “Bảng kê xuất sản phẩm CO<sub>2</sub>” được chuyển cho Kế toán văn phòng để vào “Sổ chi tiết VL,DC,HH đối với Bình khí CO<sub>2</sub>”.

+ Cuối tháng, căn cứ vào các hóa đơn chứng từ đầu vào, phiếu cân hàng và số liệu trên cân điện tử của bồn trạm nạp mà kế toán trạm tổng hợp, kế toán văn phòng tính giá thành bình khí và đơn giá xuất bình khí CO<sub>2</sub>.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{bình khí CO}_2 \end{array} = \frac{\text{Trị giá bình tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá bình nhập trong kỳ}}{\text{SL bình tồn đầu kỳ} + \text{SL bình nhập trong kỳ}}$$

+ Kế toán trạm lập Phiếu nhập kho đối với lượng bình nhập được trong tháng vào ngày cuối tháng và chuyển cho Kế toán văn phòng.

+ Căn cứ “Sổ chi tiết VL,DC,HH bình khí CO<sub>2</sub>”, đối chiếu với “Bảng kê xuất sản phẩm CO<sub>2</sub>” của Trạm chiết nạp và đơn giá xuất bình khí CO<sub>2</sub> đã tính được, kế toán văn phòng tính Giá vốn hàng bán bình khí CO<sub>2</sub> trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{bình khí CO}_2 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lượng bình khí} \\ \text{CO}_2 \text{ xuất bán} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{bình khí CO}_2 \end{array}$$

+ Kế toán sử dụng Phiếu kế toán để ghi nhận bút toán phản ánh Giá vốn hàng bán bình khí CO<sub>2</sub>.

\* Ví dụ minh họa :

**Ví dụ 2.3:** Tính giá vốn hàng bán CO<sub>2</sub> lỏng và bình khí CO<sub>2</sub> tháng 12.

- CO<sub>2</sub> lỏng:

+ Căn cứ “Sổ chi tiết VL,DC,HH CO<sub>2</sub> lỏng” tháng 12, Kế toán tính được Đơn giá xuất CO<sub>2</sub> lỏng và Giá vốn hàng bán CO<sub>2</sub> lỏng.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

Địa chỉ: Km 9, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm: 2011

Tên VL,DC,HH: CO2 lỏng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất bán		Xuất dùng		Tồn	
	Số hiệu	Ngày, tháng			SL(kg)	Thành tiền	SL(kg)	Thành tiền	SL(kg)	Thành tiền	SL(kg)	Thành tiền
	A	B	C	1	2	3=1*2	4	5=1*4			6	7=1*6
			Số dư đầu tháng 12									
1/12	PN12/01	1/12	Cty PĐ Hà Bắc	1.800	22.500	40.500.000		0		0	22.500	40.500.000
1/12	PN12/02	1/12	Cty PĐ Hà Bắc	1.800	45.000	81.000.000		0		0	67.500	121.500.000
2/12	PN12/03	2/12	Cty KCN Bắc Hà	1.850	46.000	85.100.000		0		0	113.500	206.600.000
2/12	PN12/04	2/12	Cty KCN Bắc Hà	1.750	46.000	80.500.000		0		0	159.500	287.100.000
3/12	PN12/05	3/12	Cty KCN Việt Nam	1.750	67.500	118.125.000		0		0	227.000	405.225.000
3/12	PN12/06	3/12	Cty KCN Việt Nam	1.800	45.000	81.000.000		0		0	272.000	486.225.000
.....		....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PN12/58	31/12	Cty PĐ Hà Bắc	1.800	23.000	41.400.000					<b>538.290</b>	<b>968.991.817</b>
31/12	PX12/01	31/12	XN Hoài Bắc	1.800		0	40.398	72.721.640		0	497.892	896.270.177
31/12	PX12/02	31/12	Xuất bồn trạm	1.800		0		0	27.102	48.787.115	470.790	847.483.062
31/12	PX12/03	31/12	Cty KCN HP	1.800		0	40.559	73.011.461		0	430.231	774.471.602
31/12	PX12/04	31/12	Cty KCN Sao Mai	1.800		0	51.441	92.600.472		0	378.790	681.871.130
31/12	PX12/05	31/12	Cty KCN HV	1.800		0	38.023	68.446.332		0	340.767	613.424.798
31/12	PX12/06	31/12	Cty Messer Hp	1.800		0	45.000	81.005.837		0	295.767	532.418.961
31/12	PX12/07	31/12	Xuất bồn trạm	1.800		0		0	29.477	53.062.423	266.290	479.356.538
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng tháng</b>		<b>538.290</b>	<b>968.991.817</b>	<b>433.850</b>	<b>780.986.271</b>	<b>104.440</b>	<b>188.005.546</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CP KCN VINASHIN

## PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 36

STT	DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TK		SỐ TIỀN	Ghi chú
		NỢ	CÓ		
	Tháng 12/2011				
1	Giá vốn hàng bán CO2 lỏng	632	152	780.986.271	
	<b>Cộng</b>			<b>780.986.271</b>	

Người lập

- Bình khí CO2:

+ Căn cứ Bảng kê xuất sản phẩm CO2, Kế toán lập “Sổ chi tiết VL,DC,HH Bình khí CO2” theo ngày.

### BẢNG TỔNG HỢP SL SẢN PHẨM CO2 XUẤT THÁNG 12/2011

STT	KHÁCH HÀNG	SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM CO2 XUẤT BÁN TRONG NGÀY													
		1	2	3	4	6	7	....	26	27	28	29	30	31	
1	Cty Hùng Vương			26			23	....	27		25	23		26	
2	Anh Lê	12	12	38	20	13		....	23	22				18	
3	Cty Thế Kỷ							....		45		38	50		
4	Cty Quang Bình	20	23	23		24		....	23	30		26			
5	Cty Việt Hùng		17	20	25		20	....			28	10			
6	Ông Tâm	24	15			17		....			7	22			
7	Ông Thu		13					....			8				
8	Cty Hùng Biện	15	26	24	20	11	17	....	21	27	10	29			
9	.....							....							
10	.....							....							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>121</b>	<b>98</b>	<b>101</b>	<b>130</b>	<b>88</b>	<b>92</b>	....	<b>105</b>	<b>131</b>	<b>81</b>	<b>115</b>	<b>96</b>	<b>128</b>	<b>3710</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

Địa chỉ: Km 9, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm: 2011

Tên VL,DC,HH: Bình khí CO2

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
	A	B	C	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6	8
			<b>Số dư đầu T12</b>						<b>80</b>	<b>5.995.500</b>	
31/12	PNT12	31/12	Nhập bình khí	75.183	4.177	314.038.772		0	75.263	320.034.272	
31/12	PXT12/1	31/12	Xuất bán 1/12	75.178		0	121	9.096.581	150.320	310.937.691	
31/12	PXT12/2	31/12	Xuất bán 2/12	75.178		0	98	7.367.479	225.401	303.570.211	
31/12	PXT12/3	31/12	Xuất bán 3/12	75.178		0	101	7.593.014	300.478	295.977.197	
31/12	PXT12/4	31/12	Xuất bán 4/12	75.178		0	130	9.773.187	375.526	286.204.011	
31/12	PXT12/5	31/12	Xuất bán 5/12	75.178		0	88	6.615.696	450.617	279.588.315	
31/12	PXT12/6	31/12	Xuất bán 6/12	75.178		0	92	6.916.409	525.703	272.671.906	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
			<b>Cộng tháng</b>			<b>4.177</b>	<b>314.038.772</b>	<b>3,710</b>	<b>278.911.710</b>		
			<b>Số dư cuối T12</b>						<b>547</b>	<b>41.122.562</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

+ Căn cứ “Sổ chi tiết VL,DC,HH CO2 lỏng” tháng 12, Kế toán tính được Đơn giá xuất bình khí CO2 và Giá vốn hàng bán bình khí CO2.

**CTY CP KCN VINASHIN**

### PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 37

STT	DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TK		SỐ TIỀN	Ghi chú
		NỢ	CÓ		
	.....				
	Tháng 12/2011				
1	Xác định giá vốn bán bình khí CO2 T12	632	155	278.911.710	
	<b>Cộng</b>			<b>278.911.710</b>	

**Người lập**

- Căn cứ Phiếu kế toán số 36, 37, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
		Tháng 12 / 2011				
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
HD 0000453	27/12	Bán CO2 lỏng cho Cty Messer, chưa TT	131MS		76.496.200	
		DT bán CO2 lỏng		511		69.542.000
		Thuế VAT đầu ra		3331		6.954.200
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
HD 0000473	31/12	Bán bình khí CO2 cho Cty TNHH Hùng Vương	111		2.574.000	
		DT bán bình khí CO2		511		2.340.000
		Thuế VAT đầu ra		3331		234.000
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
PKT36	31/12	Giá vốn bán CO2 lỏng T12	632		780.986.271	
				152		780.986.271
PKT37	31/12	Giá vốn bán bình khí CO2 T12	632		278.911.710	
				155		278.911.710
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán → TK911	911		12.820.029.772	
				632		12.820.029.772
.....	.....	.....	....	....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- SỐ DDK</b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
PKT36	31/12	Giá vốn bán CO2 lỏng T12	152	780.986.271	
PKT37	31/12	Giá vốn bán bình khí CO2 T12	155	278.911.710	
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán → TK911	911		12.820.029.772
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>12.820.029.772</b>	<b>12.820.029.772</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### \* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ...
- Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ gốc có liên quan khác...

#### \* Sổ sách sử dụng

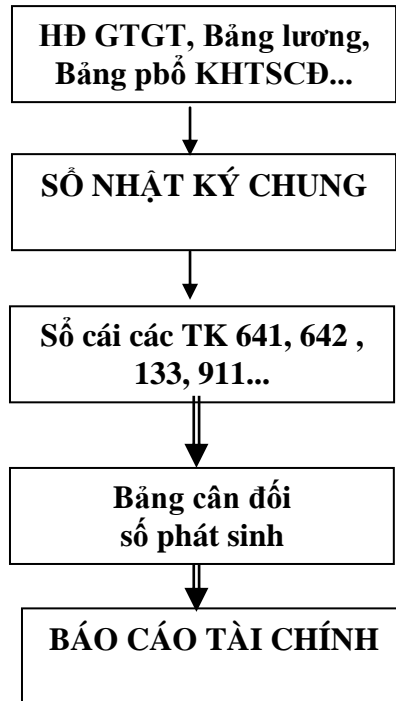
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 641, 642.
- Sổ cái các TK liên quan

#### \* Tài khoản sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng
  - + TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng
  - + TK 6412: Chi phí nhiên liệu
  - + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
  - + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
  - + TK 6415: Chi phí bảo hành, bảo hiểm
  - + TK 6416: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + TK 6417: Chi phí bằng tiền khác
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
  - + TK 6421: Chi phí lương quản lý
  - + TK 6422: Chi phí văn phòng phẩm
  - + TK 6423: Chi phí tiếp khách
  - + TK 6424: Chi phí công tác
  - + TK 6425: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + TK 6427: Chi phí, lệ phí, phí dịch vụ ngân hàng
  - + TK 6428: Chi phí quản lý khác
  - + TK 6429: Chi phí khấu hao TSCĐ BP quản lý

\* Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.6. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇒

**Ví dụ 2.4:** Ngày 08/12/2011 Phú Văn Hiếu đi lấy CO2 lỏng ở Cty Phân đạm Hà Bắc, đổ dầu xe theo HĐ0202850 là 103 lít, đơn giá 18.090,91 đ/lít, VAT 10%, phí xăng dầu 500đ/lít đã trả bằng tiền mặt. Phí vé đường bộ là 480.000 đồng. Tiền ăn + công tác phí là 605.120 đồng.

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0202850, phí vé đường bộ, Giấy đề nghị thanh toán, kế toán lập Phiếu chi số 10/12:



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**CÔNG TY XĂNG ĐẦU KHU VỰC III**  
**CỬA HÀNG XĂNG ĐẦU**  
**QUẢN TOAN**

Đơn vị bán: Công ty Xăng đầu khu vực III  
 Địa chỉ: Số 1-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng  
 Kho xuất: CH.KV.3001301  
 Mã số thuế: 0200120833

N ngày 8 tháng 12 năm 2011  
 Mẫu số: 01 KT3/001  
 Ký hiệu: AA.1P  
 Số: 0202850

Ma xuất: 54 Mã nguồn: 30  
 Số hóa đơn: KV3001301-54-179467

Đơn vị mua: **CTY CP Khí CN Vinashin**  
 Địa chỉ: Km 9 Đường 5 Cũ Quán Toan HB HP  
 Mã số thuế: 0200761812  
 Hình thức thanh toán:

**LIÊN 2: GIAO KHÁCH HÀNG**

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Điêzen 0,05S	LTT	103,00	18.090,91	1.863.364 đ
					1.863.364 đ
Ghi chú:					186.336 đ
1. Tổng cộng tiền hàng:					51.500 đ
2. Tiền thuế GTGT (1 x 10 %):					2.101.200 đ
3. Phí xăng dầu (...(500)....đ/l):					
<b>Tổng cộng tiền thanh toán (1+2+3):</b>					

(Bằng chữ: Hai triệu, một trăm linh một ngàn, hai trăm đồng chẵn.)

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)

**CÔNG TY XĂNG ĐẦU KHU VỰC III**  
 Số 1 - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng  
 Tel: 031 3850 533 - Fax: 031 3850 333  
 MST: 0200120833

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**TỔNG CÔNG TY PHTT VÀ ĐTTC VIỆT NAM**  
**TRAM THU PHÍ SỐ 2 - QUỐC LỘ 5**  
 Liên 3: Giao người nộp tiền  
 Xê ri: AA/2011  
**0025508**

**PHÍ ĐƯỜNG BỘ**  
 Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên;  
 xe chở hàng bằng Container 40 fit  
**80.000** đồng/lượt

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ ĐTXDCTGT 240**  
**AM THU PHÍ CẦU BÌNH KM78-00 QL 37**  
 Ký hiệu: AA/2010  
 Số: 0010170

**PHÍ ĐƯỜNG BỘ**  
 Liên 2: Giao cho người nộp tiền

**Loại phương tiện:**  
 Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên  
 và xe chở hàng bằng container 40 fit.  
**Mức thu: 80.000đ/lượt**

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ ĐTXDCTGT 240**  
**TRAM THU PHÍ BÌNH KM78-00 QL 37**  
 Ký hiệu: AA/2010  
 Số: 0010537

**PHÍ ĐƯỜNG BỘ**  
 Liên 2: Giao cho người nộp tiền

**Loại phương tiện:**  
 Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên  
 và xe chở hàng bằng container 40 fit.  
**Mức thu: 80.000đ/lượt**

**TỔNG CÔNG TY PHTT VÀ ĐTTC VIỆT NAM**  
**TRAM THU PHÍ SỐ 2 - QUỐC LỘ 5**  
 Liên 3: Giao người nộp tiền  
 Xê ri: AA/2011  
**0025507**

**PHÍ ĐƯỜNG BỘ**  
 Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên;  
 xe chở hàng bằng Container 40 fit  
**80.000** đồng/lượt

**KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II**  
**CÔNG TY QL&SC ĐƯỜNG BỘ 248**  
**TRAM THU PHÍ CẦU PHÁ LẠI - QUỐC LỘ 10**  
 Ký hiệu: AA/2011  
 Số: 0040268

**PHÍ ĐƯỜNG BỘ**  
 Liên 2: Giao cho người nộp tiền

**Loại phương tiện:**  
 Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên  
 và xe chở hàng bằng container 40 fit.  
**Mức thu: 80.000đ/vé/lượt**

**KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II**  
**CÔNG TY QL&SC ĐƯỜNG BỘ 248**  
**TRAM THU PHÍ CẦU PHÁ LẠI - QUỐC LỘ 10**  
 Ký hiệu: AA/2011  
 Số: 0040846

**PHÍ ĐƯỜNG BỘ**  
 Liên 2: Giao cho người nộp tiền

**Loại phương tiện:**  
 Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên  
 và xe chở hàng bằng container 40 fit.  
**Mức thu: 80.000đ/vé/lượt**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CP KCN VINASHIN

Mẫu số: 03 - TT

Km9, Quán Toan, HB, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

**Kính gửi:** - Giám đốc Công ty  
- Phòng KT-TC

Tên tôi là: **Phú Văn Hiếu**.....

Địa chỉ: Lái xe.....

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: ..3.000.000..(Viết bằng chữ) *Ba triệu đồng chẵn*

Lý do tạm ứng: .Tạm ứng đi lấy hàng.....

Thời gian thanh toán: .....

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người đề nghị thanh toán**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

CTY CP KCN VINASHIN

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

**Kính gửi:** - Giám đốc Công ty  
- Phòng KT-TC

Người đề nghị: **Phú Văn Hiếu**

Bộ phận: Lái xe

Mục đích: Thanh toán 01 chuyến chở hàng

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Khoán vận tải HP-BG-HP ngày 08/12/2011	3.036.320
2	Bồi dưỡng Cty Phân Đạm + Gửi xe	150.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.186.320</b>
<i>Bằng chữ: Ba triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng.</i>		
	Số tiền đã tạm ứng (08/12)	3.000.000
	Số tiền tạm ứng còn thừa	0
	Số tiền tạm ứng còn thiếu	186.320
<i>Bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng.</i>		

**Người đề nghị**

**Phòng kế toán**

**Giám đốc**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Địa chỉ: Km9 QL5 cũ,  
Quán Toan, HB,HP

# PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Quyển số:

Số: 10/12

Nợ: 641,133

Có:111

Mẫu số 02-TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: Phú Văn Hiếu

Địa chỉ: Lái xe

Lý do chi: Thanh toán 01 chuyên chở hàng ngày 8/12

Số tiền: 186.320 đồng.....(Viết bằng chữ) Một trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi đồng.

Kèm theo: .....03..... Chứng từ gốc.....

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Giám đốc  
(Ký, họ tên,)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền  
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên,)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi đồng.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi: .....

Căn cứ vào Phiếu chi số 10/12 ngày 9/12/2011, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 641.

Đối với CO2 lỏng, nhân viên đi lấy hàng bằng xe bồn, nhập kho tại bồn và xuất bán trực tiếp cho khách theo đơn đặt hàng, sau đó lượng lỏng còn lại về công ty nhập bồn công ty để chiết nạp thành bình khí CO2. Nên toàn bộ chi phí đi kèm (chi phí đổ dầu xe, chi phí vé đường bộ, chi tiền ăn, tiền cân hàng...) công ty hạch toán vào chi phí bán hàng, không phân bổ vào giá vốn.

Ví dụ : Chi phí đổ dầu xe bồn: TK 6412

Chi phí vé đường bộ: TK 6416

Chi phí tiền ăn + công tác phí: TK6411

**Ví dụ 2.5:** Ngày 09/12/2011 Đỗ Thị Thu Nhân (Phòng TC-HC) thanh toán tiền thuê tạp vụ văn phòng tháng 11 là 300.000 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán Đỗ Thị Thu Nhân lập, Kế toán lập Phiếu chi số 12/12.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**CTY CP KCN VINASHIN**  
Km9, Quán Toan, HB, HP.

**Mẫu số: 05 - TT**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

*Ngày 09 tháng 12 năm 2011*

Họ và tên người đề nghị thanh toán: *.Đỗ Thị Thu Nhân.....*

Bộ phận (hoặc địa chỉ): *Phòng TC-HC.....*

Nội dung thanh toán: *Thanh toán tiền cho chị Hà nhân viên tạp vụ văn phòng tháng 11/2011.....*

Số tiền: .....300.000.....(Viết bằng chữ): Ba trăm nghìn đồng.....

(Kèm theo: ..... chứng từ gốc)

**Người đề nghị thanh toán**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Địa chỉ: Km9 QL5 cũ,  
Quán Toan, HB,HP

## PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Quyển số:

Số: 12/12

Nợ: 6428

Có:111

Mẫu số 02-TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: Đỗ Thị Thu Nhân

Địa chỉ: Phòng TC-HC

Lý do chi: Thanh toán tiền thuê tạp vụ tháng 11/2011

Số tiền: 300.000đồng.....(Viết bằng chữ) Ba trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: .....01..... Chứng từ gốc.....

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Giám đốc  
(Ký, họ tên,)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền  
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu      Thủ quỹ  
(Ký, họ tên,)      (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):Ba trăm ngàn đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi: .....

Căn cứ vào Phiếu chi số 12/12 ngày 9/12/2011 kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung,  
Sổ cái TK 642.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....				
		Tháng 12 / 2011				
CTGD 0014	01/12	Phí chuyển tiền (trả tiền hàng Cty Phân Đạm Hà Bắc)	6427		20.000	
		Thuế VAT đầu vào	133		2.000	
		Phí chuyển tiền		112Agr		22.000
.....	.....	.....				
HĐ 0202850	08/12	PVHiếu mua dầu chạy xe ô tô	6412		1.914.864	
PC10/12		Thuế VAT vào	133		186.336	
		Phí vé đường bộ	6416		480.000	
		Tiền ăn + công tác phí	6411		605.120	
		Đã tạm ứng		141		3.000.000
		Thanh toán 1 chuyển chỗ hàng		111		186.320
.....	.....	.....				
PC12/12	09/12	Mrs Nhân thanh toán tiền thuê tạp vụ văn phòng T11	6428		300.000	
				111		300.000
.....	.....	.....				
HĐ 0203791	27/12	Thanh toán tiền đổ dầu xe 9051 đi công tác	6424		929.545	
		Thuế VAT đầu vào	133		90.455	
		Thanh toán tiền đổ dầu xe		111		1.020.000
.....	.....	.....				
GBN 12A13	31/12	Phí dịch vụ NH ACB T12/2011	6427		40.000	
		Thuế VAT đầu vào	133		4.000	
		Phí dịch vụ NH ACB T12/2011		112ACB		44.000

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
BTTL	31/12	Chi phí lương BPQLDN T12	6421		32.175.846	
		Chi phí lương BPBH T12	6411		25.140.000	
		Chi phí lương T12		334		57.315.846
BTTL	31/12	Các khoản trích theo lương BP QLDN T12	6421		5.550.477	
		Các khoản trích theo lương BPBH T12	6411		3.690.000	
		Trừ lương CNV	334		3.440.018	
		Khoản BHXH+YT+TN T12		3383		11.534.178
		Khoản KPCĐ T12		3382		1.146.317
BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ BP bán hàng T12/2011	6414		165.633.555	
		Trích KH TSCĐ BP QLDN T12/2012	6429		4.335.887	
		Khấu hao TSCĐ T12		2141		169.969.442
.....	.....	.....	....	.....	.....	.....
PKT44	31/12	Kết chuyển CP bán hàng → TK911	911		3.960.029.113	
				641		3.960.029.113
PKT44	31/12	Kết chuyển CPQLDN → TK911	911		949.023.075	
				642		949.023.075
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- Số ĐDK</b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
		.....			
HĐ 0202850	08/12	PVHiếu mua dầu chạy xe ô tô	141,111	1.914.864	
PC10/12		Phí vé đường bộ	141,111	480.000	
		Tiền ăn + công tác phí	141,111	605.120	
.....	.....	.....		.....	.....
BTTL	31/12	CP lương BPBH T12	334	25.140.000	
BTTL	31/12	Các khoản trích theo lương BPBH T12	3383	3.187.200	
			3382	502.800	
BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ BP bán hàng T12/2011	2141	165.633.555	
.....	.....	.....		.....	.....
PKT44	31/12	Kết chuyển CP bán hàng → TK911	911		3.960.029.113
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>3.960.029.113</b>	<b>3.960.029.113</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- SỐ ĐDK</b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
		.....			
CTGD 0014	01/12	Phí chuyển tiền (trả tiền hàng Cty Phân Đạm Hà Bắc)	112Agr	20.000	
PC12/12	09/12	CP thuê tạp vụ T12	111	300.000	
HĐ 0203791	27/12	CP đổ dầu xe 9051 đi công tác	111	929.545	
GBN 12A13	31/12	Phí dịch vụ NH ACB T12	112ACB	40.000	
BTTL	31/12	CP lương BPQL T12	334	32.175.846	
BTTL	31/12	Các khoản trích theo lương	3383	4.906.960	
			3382	643.517	
BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ BPQL T12/2011	2141	4.335.887	
.....	.....	.....		.....	.....
PKT44	31/12	Kết chuyển CPQLDN → TK911	911		949.023.075
.....	.....	.....		.....	.....
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>949.023.075</b>	<b>949.023.075</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.**

**2.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

*\* Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo Có, Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu thu, Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

*\* Tài khoản sử dụng*

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

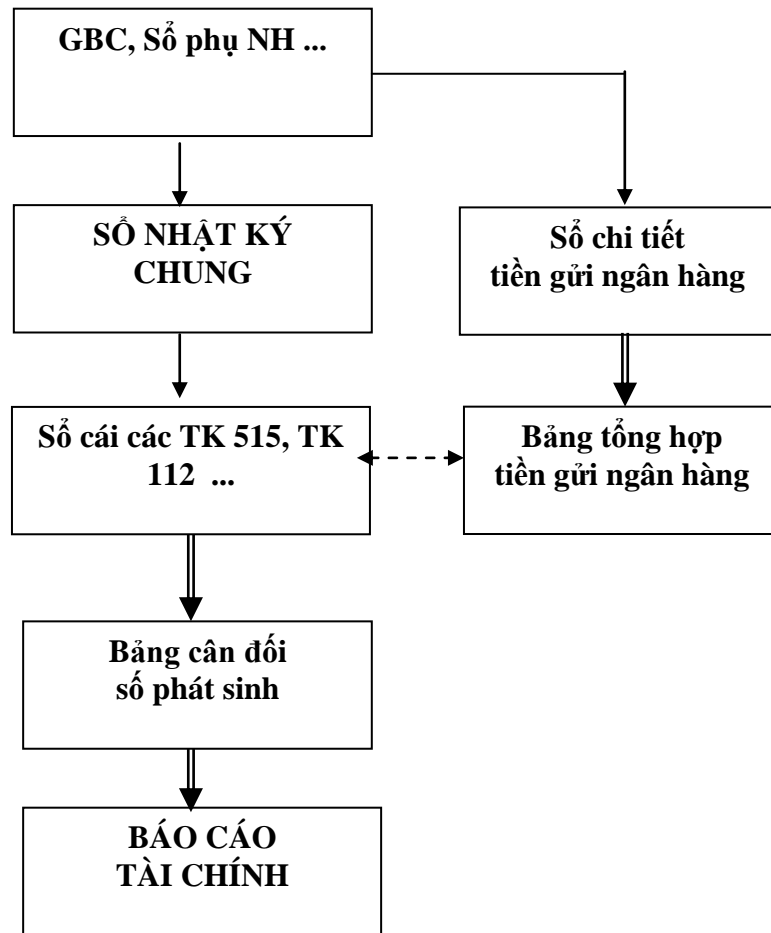
Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là lãi tiền gửi ngân hàng.

*\* Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515 và các tài khoản liên quan.

\* Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

\* Ví dụ minh họa

**Ví dụ 2.6:** Ngày 31/12/2011 Công ty nhận được Chứng từ giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KV An Hưng, Hải Phòng thông báo về lãi tiền gửi tháng 12/2011 được hưởng là 1.041.109 đồng. Căn cứ vào Chứng từ giao dịch số 0034 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KV An Hưng, Hải Phòng, Kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK515, 112, Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Chi nhánh KV An Hưng – TP Hải Phòng

Mã số thuế của CN: 0200116474 - 0035

### CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

**Liên 2: Trả khách hàng**

Số seri: 211311L000000034

Tên khách hàng (Customer name)

Công ty CP Khí công nghiệp Vinashin

Địa chỉ: Km9 Quốc lộ 5 cũ, Quán Toan, Hồng Bàng, HP

Mã số thuế của KH: 0200761812

Ngày giao dịch (Date)

31/12/2011

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have debited the following amount from your account/ or received by cash.)

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have credited the following amount to your account/ or paid by cash.)

Diễn giải

(Description)

Biên lai lãi tiền gửi

Số TK

(A/C No.)

2113201001130

Số GD

(Ref)

2113OTT111004034

Chi tiết

(Item)

Số tiền

(Amount)

Diễn giải

(Remark)

Lãi nhập gốc

D

VND

1.041.109

Total

VND

1.041.109

First interest amount: 1.041.109

Term: 01/12/2011 – 31/12/2011

Base rate: 3 + Interest rate: 0 = 3%

Người in: Trần Hồng Minh

Ngày in: 31/12/2011

Giờ in: 15:45

Tel:

D: Nợ C: Có

Trang: 1/1

Khách hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		Tháng 12 / 2011				
.....	.....	.....				
PC04/12	02/12	Trả lãi vay Cty Cửu Long T12/2011	635		26.250.000	
				111		26.250.000
.....	.....	.....				
GBC 12A22	31/12	Lãi tiền gửi NH ACB T12/2011	112ACB		5.100	
				515		5.100
CTGD 0034	31/12	Lãi tiền gửi NH Agribank T12/2011	112Agr		1.041.109	
				515		1.041.109
GBC 12B01	31/12	Lãi tiền gửi NH BIDV T12/2011	112BIDV		75.357	
				515		75.357
.....	.....	.....				
PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC → TK911	515		7.398.730	
				911		7.398.730
PKT44	31/12	Kết chuyển CPHĐTC → TK911	911		980.000.000	
				635		980.000.000
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- Số ĐDK</b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
		.....			
GBC 12A22	31/12	Lãi tiền gửi NH ACB T12/2011	112ACB		5.100
CTGD 0034	31/12	Lãi tiền gửi NH Agribank T12/2011	112Agr		1.041.109
GBC 12B01	31/12	Lãi tiền gửi NH BIDV T12/2011	112BIDV		75.357
.....	.....	.....		.....	.....
PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC → TK911	911	7.398.730	
		<b>Cộng phát sinh Tháng 12/2011</b>		<b>7.398.730</b>	<b>7.398.730</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính**

*\* Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo Nợ, Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu chi, Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

*\* Tài khoản sử dụng*

- TK 635: Chi phí tài chính

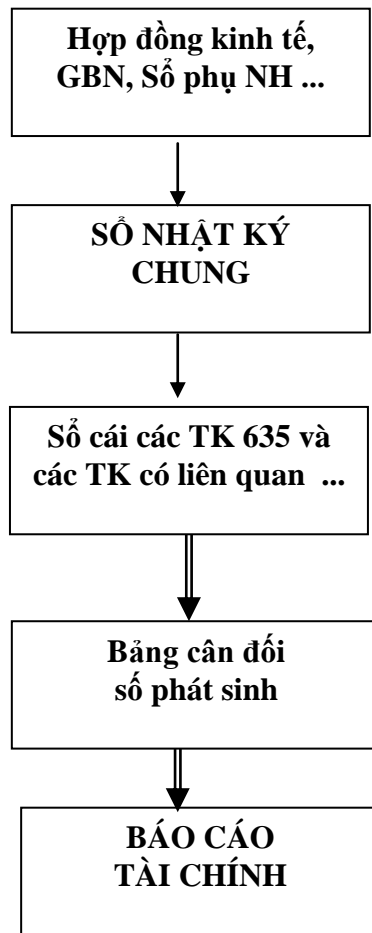
Chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay phải trả.

*\* Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 635 và các tài khoản liên quan.

\* Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí tài chính**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối kỳ ══════════→

\* Ví dụ minh họa:

**Ví dụ 2.7:** Ngày 02/12/2011 Công ty trả tiền lãi tháng 12 khoản vay nợ cho Cty CP CNN Cửu Long (khoản 1.500.000.000 đồng vay ngày 01/12/2010 với lãi suất 1,75%/tháng)

Căn cứ Hợp đồng vay nợ số 03 giữa Công ty Vinashin với Cty CP CNN Cửu Long, Kế toán lập Phiếu chi 04/12. Căn cứ vào Phiếu chi 04/12 Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK635, 111.



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Địa chỉ: Km9 QL5 cũ,  
Quán Toan, HB,HP

## PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Quyển số:

Số: 04/12

Nợ: 635

Có:111

Mẫu số 02-TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: Trịnh Quang Duật

Địa chỉ: Phó Giám đốc

Lý do chi: Trả lãi vay Cty Cửu Long T12/2011

Số tiền: 26.250.000 đồng.....(Viết bằng chữ) Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc.....

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Giám đốc  
(Ký, họ tên,)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền  
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên,)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi: .....

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		Tháng 12 / 2011				
.....	.....	.....				
PC04/12	02/12	Trả lãi vay Cty Cửu Long T12/2011	635		26.250.000	
				111		26.250.000
.....	.....	.....				
GBC 12A22	31/12	Lãi tiền gửi NH ACB T12/2011	112ACB		5.100	
				515		5.100
CTGD 0034	31/12	Lãi tiền gửi NH Agribank T12/2011	112Agr		1.041.109	
				515		1.041.109
GBC 12B01	31/12	Lãi tiền gửi NH BIDV T12/2011	112BIDV		75.357	
				515		75.357
.....	.....	.....				
PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC → TK911	515		7.398.730	
				911		7.398.730
PKT44	31/12	Kết chuyển CPHĐTC → TK911	911		980.000.000	
				635		980.000.000
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b><u>- Số ĐDK</u></b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
		.....			
PC04/12	02/12	Trả lãi vay Cty Cửu Long T12	111	26.250.000	
PKT44	31/12	Kết chuyển CPHĐTC → TK911	911		980.000.000
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>980.000.000</b>	<b>980.000.000</b>
		<b><u>- SDCK</u></b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác**

#### **2.2.3.1 Kế toán thu nhập khác**

*\* Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu, Giấy báo Có
- Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan.

*\* Tài khoản sử dụng*

- TK 711: Thu nhập khác

Thu nhập khác gồm: + Thu từ thanh lý hoặc bán lại tài sản là xe bồn, vỏ bình...

+ Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng.

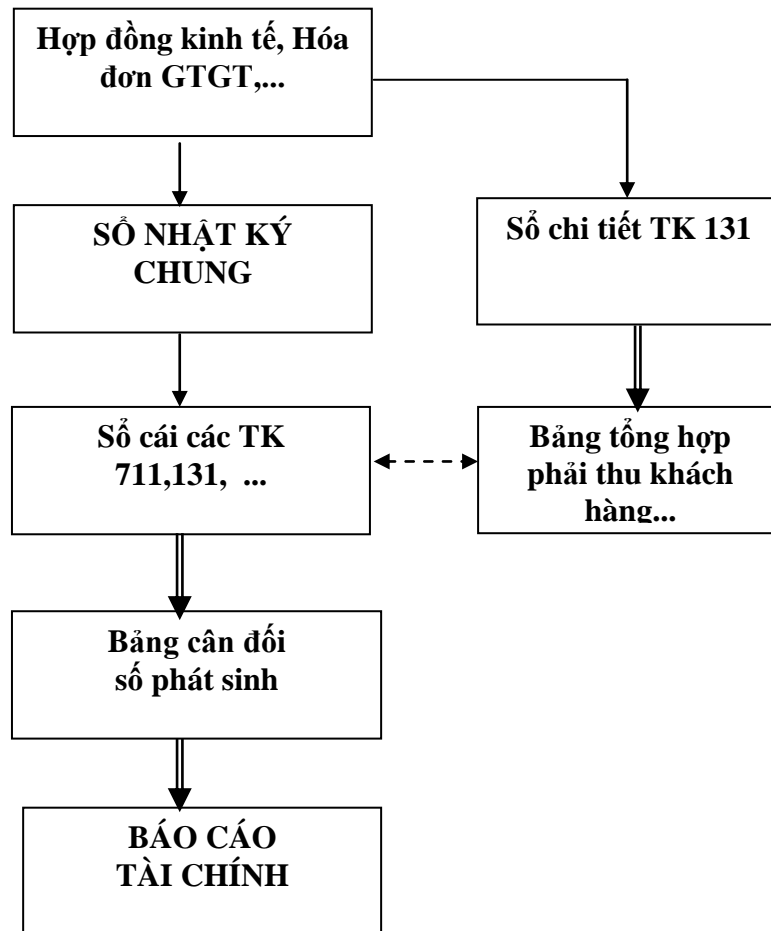
+ Thu từ đền bù vỏ bình bằng tiền.

*\* Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 711 và các tài khoản liên quan.

\* Quy trình hạch toán

## Sơ đồ 2.9 : Trình tự hạch toán kế toán thu nhập khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

\* Ví dụ minh họa:

**Ví dụ 2.8:** Ngày 20/12/2011 Công ty bán thanh lý xe ô tô 16L-6452 (được sử dụng ở bộ phận bán hàng) với giá 400.000.000đ (đã bao gồm thuế VAT 10%) cho Nguyễn Đình Công. Nguyên giá xe là 720.000.000 đồng, hao mòn lũy kế là 256.971.421 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng bán thanh lý tài sản của Công ty với anh Nguyễn Đình Công, Kế toán lập Hóa đơn GTGT số 0000448. Sau đó Kế toán hạch toán khoản thu nhập từ thanh lý tài sản vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 711:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ  
Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT3-001  
AA/11P  
0000448

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin.....  
Địa chỉ: Km9 QL5 cũ, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.....  
Số tài khoản:.....  
Điện thoại:.....MS.....0200761812.....  
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đình Công.....  
Tên đơn vị: .....  
Địa chỉ: Uông Bí, Quảng Ninh .....  
Số tài khoản: .....  
Hình thức thanh toán:.....MS.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Xe ô tô 16L-6452	Chiếc	01	363.636.364	363.636.364
Cộng tiền hàng					363.636.364
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		36.363.636	
Tổng cộng tiền thanh toán					400.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm triệu đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)  
In tại Công ty CP đồ họa chuyên nghiệp. Mã số thuế:0200638946

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....				
PT15/12	18/12	Thu công nợ T11 Cty Hùng Biện	111		5.680.000	
				131HB		5.680.000
.....	.....	.....				
BBTL 03/11	20/12	Giảm hao mòn xe	2141		256.971.421	
		GTCL xe ô tô 6452	811		463.028.579	
		Giảm nguyên giá xe		2114		720.000.000
	20/12	Phải thu khách hàng	131K		400.000.000	
HD 0000448		Thu từ bán thanh lý xe 6452		711		363.636.364
		Thuế VAT đầu ra		3331		36.363.636
.....	.....	.....				
BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ BP bán hàng T12/2011	6414		165.633.555	
		Trích KH TSCĐ BP QLDN T12/2012	6429		4.335.887	
				2141		169.969.442
PKT43	31/12	Kết chuyển thu nhập khác → TK911	711		3.500.000.000	
				911		3.500.000.000
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí khác → TK911	911		2.995.113.219	
				811		2.995.113.219
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- Số ĐDK</b>			
		- Số phát sinh			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Tháng 12/2011			
HĐ 0000448	20/12	Thu từ bán thanh lý xe 6452	131		363.636.364
PKT43	31/12	Kết chuyển thu nhập khác → TK911	911	3.500.000.000	
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>3.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**2.2.3.2 Kế toán chi phí khác**

*\* Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi, Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

*\* Tài khoản sử dụng*

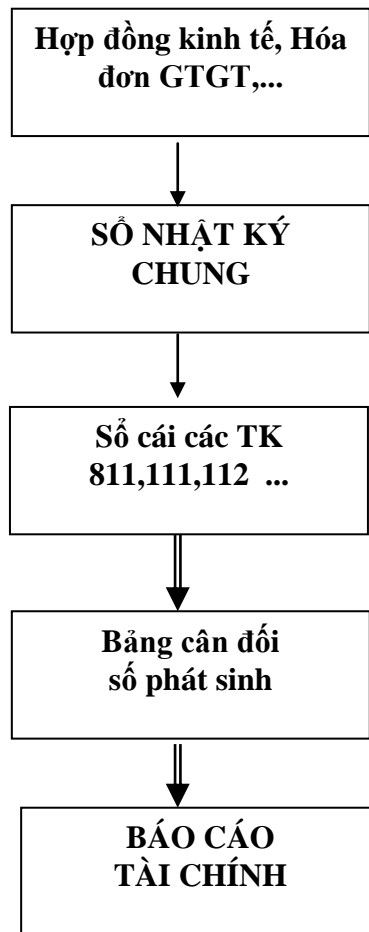
- TK 811: Chi phí khác bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, GTCL của TSCĐ; tiền phạt thuế...

*\* Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 811 và các tài khoản liên quan.

*\* Quy trình hạch toán*

**Sơ đồ 2.10 : Trình tự hạch toán chi phí khác**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối kỳ ══════════>

*\* Ví dụ minh họa:*

**Ví dụ 2.9:** Ngày 20/12/2011 Công ty bán thanh lý xe ô tô 16L-6452 (được sử dụng ở bộ phận bán hàng) với giá 400.000.000đ (đã bao gồm thuế VAT 10%) cho Nguyễn Đình Công. Nguyên giá xe là 720.000.000 đồng, hao mòn lũy kế là 256.971.421 đồng.

Căn cứ vào Biên bản thanh lý số 03/11, Kế toán hạch toán khoản GTCL TSCĐ vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 811.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP  
VINASHIN**

Mẫu số: 02-TSCĐ  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

## **BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

*Ngày 20 tháng 12 năm 2011*

Số: 03/11

*Căn cứ biên bản ngày 20 tháng 12 năm 2011 của hội đồng các thành viên Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin về việc thanh lý tài sản cố định.*

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông: **Thái Bá Cường**

Chức vụ: **Giám đốc**

Ông: **Trần Sỹ Nguyên**

Chức vụ: **Phó giám đốc**

Bà: **Nguyễn Mai Thúy**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên: **Xe ô tô 16L-6452**
- Nước sản xuất: **Việt Nam**
- Năm đưa vào sử dụng: 2007
- Nguyên giá TSCĐ: 720.000.000 đồng.
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : 256.971.421 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 463.028.579 đồng.

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Xe ô tô 16L-6452 còn sử dụng tốt, nhưng do nhu cầu Công ty không cần sử dụng xe nữa nên cần thanh lý.

*Ngày 20 tháng 12 năm 2011*

**Trưởng ban thanh lý**

*(ký, họ tên)*

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Giá trị thu hồi: 400.000.000 đồng (*viết bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng.*)
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2011.

*Ngày 20 tháng 12 năm 2011*

**Giám đốc**

*(ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....				
PT15/12	18/12	Thu công nợ T11 Cty Hùng Biện	111		5.680.000	
				131HB		5.680.000
.....	.....	.....				
BBTL 03/11	20/12	Giảm hao mòn xe	2141		256.971.421	
		GTCL xe ô tô 6452	811		463.028.579	
		Giảm nguyên giá xe		2114		720.000.000
	20/12	Phải thu khách hàng	131K		400.000.000	
HD 0000448		Thu từ bán thanh lý xe 6452		711		363.636.364
		Thuế VAT đầu ra		3331		36.363.636
.....	.....	.....				
BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ BP bán hàng T12/2011	6414		165.633.555	
		Trích KH TSCĐ BP QLDN T12/2012	6429		4.335.887	
				2141		169.969.442
PKT43	31/12	Kết chuyển thu nhập khác → TK911	711		3.500.000.000	
				911		3.500.000.000
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí khác → TK911	911		2.995.113.219	
				811		2.995.113.219
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>- Số ĐDK</b>			
		- Số phát sinh			
		.....			
		Tháng 12/2011			
BBTL	20/12	GTCL xe ô tô 6452	2114	463.028.579	
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí khác → TK911	911		2.995.113.219
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>2.995.113.219</b>	<b>2.995.113.219</b>
		<b>- SDCK</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### **2.2.4.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

\* *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan khác.

\* *Tài khoản sử dụng:*

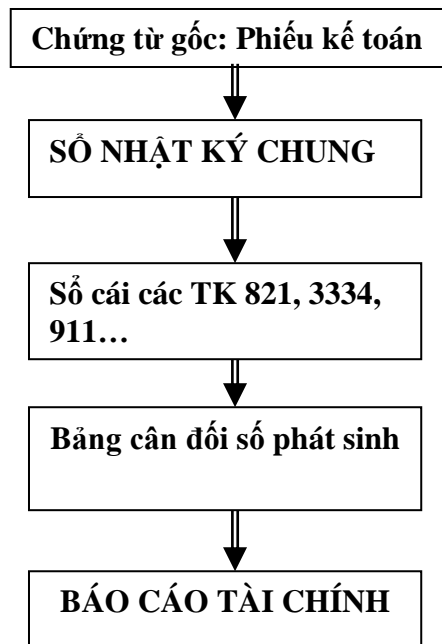
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

\* *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK911, 821, 3334

\* *Quy trình hạch toán:*

**Sơ đồ32: Trình tự hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**



Ghi chú:

Ghi cuối kỳ  $\Longrightarrow$

\* *Ví dụ minh họa:*

**Ví dụ 2.10:** Xác định thuế TNDN năm 2011 phải nộp.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x % thuế suất thuế TNDN

Kế toán lập Phiếu kế toán số 45, ghi bút toán xác định thuế TNDN phải nộp.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CP KCN VINASHIN

## PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 45

STT	DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TK		SỐ TIỀN	Ghi chú
		NỢ	CÓ		
	Tháng 12/2011				
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	8211	3334	253.636.388	
	<b>Cộng</b>			<b>253.636.388</b>	

Người lập

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 45, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 821, TK333

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		Tháng 12 / 2011				
.....	.....	.....				
PKT45	31/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	8211		253.636.388	
				3334		253.636.388
PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		253.636.388	
				8211		253.636.388
.....	.....	.....				
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

<b>SỔ CÁI TÀI KHOẢN</b>					
Năm: 2011					
Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN hiện hành - Số hiệu: 8211					
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b><u>- Số ĐDK</u></b>			
PKT45	31/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	3334	253.636.388	
PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		253.636.388
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>253.636.388</b>	<b>253.636.388</b>
		<b><u>- SDCK</u></b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### ***2.2.4.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh***

*\* Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan khác.

*\* Tài khoản sử dụng:*

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

*\* Sổ sách sử dụng:*

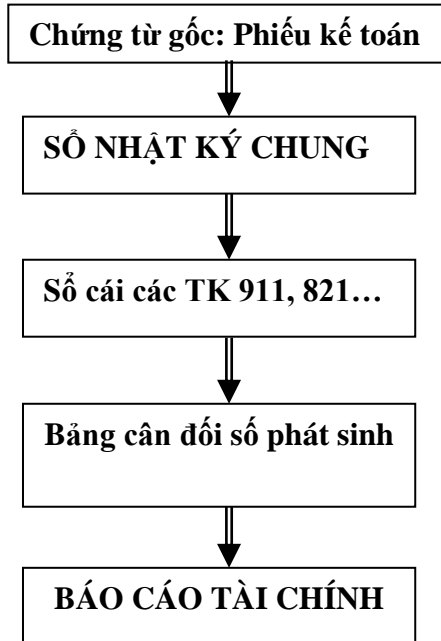
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK911, 421



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

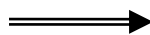
\* Quy trình hạch toán:

**Sơ đồ 32: Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh**



Ghi chú:

Ghi cuối tháng, cuối kỳ



\* Ví dụ minh họa:

**Ví dụ 2.11:** Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2011

Cuối năm, Kế toán lập Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

CTY CP KCN VINASHIN

### PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 43

STT	DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TK		SỐ TIỀN	Ghi chú
		NỢ	CÓ		
	Tháng 12/2011				
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	19.211.342.000	
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	7.398.730	
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	3.500.000.000	
	<b>Cộng</b>			<b>22.718.740.730</b>	

Người lập

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

CTY CP KCN VINASHIN

### PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 44

STT	DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TK		SỐ TIỀN	Ghi chú
		NỢ	CÓ		
	Tháng 12/2011				
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	12.820.029.772	
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	980.000.000	
3	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	3.960.029.113	
4	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	949.023.075	
	Kết chuyển chi phí khác	911	811	2.995.113.219	
	<b>Cộng</b>			<b>21.704.195.179</b>	

Người lập

CTY CP KCN VINASHIN

### PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 46

STT	DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TK		SỐ TIỀN	Ghi chú
		NỢ	CÓ		
	Tháng 12/2011				
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2011	911	8211	253.636.388	
2	Kết chuyển LN sau thuế năm 2011	911	421	760.909.163	
	<b>Cộng</b>			<b>1.014.545.551</b>	

Người lập

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 43, 44, 45, 46, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911, 421 và các tài khoản liên quan.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin  
Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬP KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		Tháng 12 / 2011				
.....	.....	.....				
PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		19.211.342.000	
				911		19.211.342.000
PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515		7.398.730	
				911		7.398.730
PKT43	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		3.500.000.000	
				911		3.500.000.000
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		12.820.029.772	
				632		12.820.029.772
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		980.000.000	
				635		980.000.000
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		3.960.029.113	
				641		3.960.029.113
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		949.023.075	
				642		949.023.075
PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		2.995.113.219	
				811		2.995.113.219
PKT45	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN 2011	8211		253.636.388	
				3334		253.636.388
PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2011	911		253.636.388	
				8211		253.636.388
PKT46	31/12	Kết chuyển LN sau thuế năm 2011	911		760.909.163	
				421		760.909.163
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>156.515.615.162</b>	<b>156.515.615.162</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b><u>- Số ĐDK</u></b>			
		- Số phát sinh			
		Tháng 12/2011			
PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		19.211.342.000
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		7.398.730
		Kết chuyển thu nhập khác	711		3.500.000.000
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	12.820.029.772	
		Kết chuyển chi phí tài chính	635	980.000.000	
		Kết chuyển chi phí bán hàng	641	3.960.029.113	
		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	949.023.075	
		Kết chuyển chi phí khác	811	2.995.113.219	
PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2011	8211	253.636.388	
		Kết chuyển LN sau thuế năm 2011	421	760.909.163	
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>22.718.740.730</b>	<b>22.718.740.730</b>
		<b><u>- SDCK</u></b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP KCN Vinashin

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Km9 QL5 cũ, Quán Toan, HB,HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

<b>SỔ CÁI TÀI KHOẢN</b>					
Năm: 2011					
Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - Số hiệu: 421					
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b><u>- Số ĐDK</u></b>			<b><u>1,672,818,326</u></b>
PKT46	31/12	Kết chuyển LN sau thuế năm 2011	911		760.909.163
		<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>			<b>760.909.163</b>
		<b><u>- SDCK</u></b>			<b><u>2,433,727,489</u></b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

**3.1 Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin.**

Công ty cổ phần khí công nghiệp Vinashin nằm ở Km9 Quốc Lộ 5 cũ, trung tâm khu công nghiệp khu vực Quán Toan – Hải Phòng, là điểm nút giao thông quan trọng giữa nội thành Hải Phòng với Quảng Ninh, Hà Nội và một số thành phố xung quanh, nơi tập trung nhiều doanh nghiệp có sử dụng khí công nghiệp là yếu tố đầu vào, điều đó tạo thuận lợi để công ty có được một thị trường tiêu thụ rộng lớn, ổn định và không ngừng phát triển.

**3.1.1 Ưu điểm**

*\* Về tổ chức bộ máy quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng*

- Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với nhu cầu kinh doanh và quản lý của công ty. Bộ máy kế toán được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng tới kế toán viên. Bộ phận kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm với từng mảng riêng nhưng vẫn đảm bảo sự thống nhất và liên kết giữa các mảng kế toán của Công ty.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý; thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các chi phí phát sinh, các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và nắm giữ thông tin về tình hình tài chính của công ty.

*\* Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán*

Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán hiện hành:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Về chứng từ kế toán: Công ty sử dụng chứng từ đúng chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng và kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

- Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung”, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

*\* Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty*

- Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

- Công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống biểu mẫu chứng từ phù hợp với quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Các chứng từ ban đầu này đều được ghi chép theo đúng thời gian và có chữ ký đầy đủ của các bộ phận liên quan, sau khi đã kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ mới được sử dụng để vào hệ thống sổ sách. Hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán cũng được áp dụng phù hợp với quy định mới của Bộ Tài chính.

- Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty đảm bảo hạch toán doanh thu đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp... cũng được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy tính.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo năm.

### **3.1.2 Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm đã có, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần khí công nghiệp Vinashin vẫn còn có những hạn chế nhất định:

#### **Hạn chế 1: Về Tài khoản sử dụng:**

- **Chưa mở tài khoản chi tiết đối với doanh thu**

Công ty kinh doanh 2 mặt hàng là CO<sub>2</sub> lỏng và bình khí CO<sub>2</sub>, nhưng Kế toán không sử dụng tài khoản chi tiết đối với doanh thu để theo dõi riêng doanh thu bán hàng của từng loại sản phẩm. Việc sử dụng 1 tài khoản chung gây khó khăn cho kế toán và quản lý khi tìm kiếm, chia tách, xác định doanh thu của mỗi loại mặt hàng và khó kiểm soát.

#### **Hạn chế 2: Về sổ sách sử dụng:**

- **Chưa mở Sổ chi tiết bán hàng**

Hiện nay Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng đối với từng loại mặt hàng riêng biệt. Việc này làm cho nhà quản lý khó khăn trong nắm bắt thông tin số lượng xuất bán chi tiết hoặc tổng hợp hàng ngày, hàng tháng của từng loại riêng.

- **Chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 641 và 642**

Công ty chưa tiến hành mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 641 và 642 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong tài khoản 641 như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí nhiên liệu, chi phí khấu hao TSCĐ... và tài khoản 642 như: chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp....



### **Hạn chế 3: Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty.

### **Hạn chế 4: Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại**

Hiện nay, Công ty CP Khí công nghiệp Vinashin vẫn chưa áp dụng chính sách ưu đãi trong việc tiêu thụ sản phẩm cho khách hàng như chính sách chiết khấu thương mại. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới, ảnh hưởng trực tiếp tới việc tăng số lượng sản phẩm tiêu thụ và doanh thu bán hàng.

### **Hạn chế 5: Về việc ứng dụng khoa học công nghệ**

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell trên máy vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

## **3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

### **3.3 Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

### **3.4 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khí công nghiệp Vinashin**

#### **Giải pháp 1: Hoàn thiện hệ thống tài khoản sử dụng:**

- **Mở tài khoản chi tiết đối với doanh thu**

Việc sử dụng tài khoản chi tiết đối với CO2 lỏng và bình khí CO2 giúp cho quá trình hạch toán kế toán, theo dõi và tổng hợp số liệu kế toán doanh thu trở nên thuận tiện và rõ ràng hơn.

Cụ thể như sau:

- TK 511: Doanh thu bán hàng
  - + TK 51111: Doanh thu bán CO2 lỏng
  - + TK 51112: Doanh thu bán bình khí CO2

#### **Giải pháp 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng:**

- **Mở Sổ chi tiết bán hàng**

Việc mở Sổ chi tiết bán hàng đối với CO2 lỏng và bình khí CO2 riêng biệt giúp nhà quản trị dễ dàng theo dõi số lượng bán, đối tượng mua hàng, tổng doanh thu và giá vốn với riêng từng loại hàng; giúp nhà quản trị nhanh chóng trong việc ra những quyết định liên quan tới tiêu thụ sản phẩm...v..v...

\* *Cách thực hiện:*

Mẫu Sổ chi tiết bán hàng được thiết kế như sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ): .....

Năm: .....

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
			Cộng phát sinh năm						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*\* Ví dụ minh họa:*

**Ví dụ 3.1:** Ngày 27/12/2011 theo Hóa đơn GTGT 0000453 bán cho Công ty TNHH KCN Messer HP 23.980 kg CO<sub>2</sub> lỏng, đơn giá bán 2.900đ/kg, chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000453 đã lập, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK511, Sổ chi tiết bán hàng CO<sub>2</sub> lỏng.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

Địa chỉ: Km 9, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ): CO<sub>2</sub> lỏng

Năm: 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Khối lượng (kg)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
			Tháng 12/2011						
01/12	HĐ 0000435	01/12	XN tập thể CP Hoài Bắc mua CO <sub>2</sub> lỏng	131HB	40.398	2.900	117.154.200		
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
27/12	HĐ 0000453	27/12	Công ty TNHH Messer mua CO <sub>2</sub> lỏng	131MS	23.980	2.900	69.542.000		
27/12	HĐ 0000454	27/12	Nhà máy đóng tàu Hạ Long mua CO <sub>2</sub> lỏng	131HL	36.079	2.900	104.629.100		
27/12	HĐ 0000455	27/12	Công ty TNHH Tâm Thắng mua CO <sub>2</sub> lỏng	131TTh	38.554	2.900	111.806.600		
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
			Cộng phát sinh tháng 12		433.850		1.258.165.000		
			Doanh thu thuần				1.258.165.000		
			Giá vốn hàng bán				780.986.271		
			Lãi gộp				477.178.729		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ 3.2:** Ngày 31/12/2011 Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Khí công nghiệp Sao Mai tại Hải Phòng mua 60 bình khí CO<sub>2</sub>, đơn giá bán 90.000đ/bình, chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000474 đã lập, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK511, và Sổ chi tiết bán hàng bình khí CO<sub>2</sub>.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

Địa chỉ: Km 9, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ): Bình khí CO2

Năm: 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Khối lượng (bình)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
			Tháng 12/2011						
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
26/12	HĐ 0000451	26/12	Anh Lê mua bình khí CO2	111	23	90.000	2.070.000		
26/12	HĐ 0000452	26/12	Công ty CPTM Hùng Biện mua bình khí CO2	111	21	90.000	1.890.000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
31/12	HĐ 0000473	31/12	Công ty TNHH Hùng Vương mua bình khí CO2	111	26	90.000	2.340.000		
31/12	HĐ 0000474	31/12	Công ty TNHH Sao Mai HP mua bình khí CO2	131SM	60	90.000	5.400.000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		
			Cộng phát sinh tháng 12		3.710		333.900.000		
			Doanh thu thuần				333.900.000		
			Giá vốn hàng bán				278.911.710		
			Lãi gộp				54.988.290		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)



**Giải pháp 3: Hoàn thiện hệ thống sổ sách: Mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 641 và 642**

Công ty cần lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh vì:

- Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kỳ năm trước hoặc so với cùng kỳ trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

**❖ Cách thực hiện:**

Mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh được thiết kế như sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Ghi Nợ TK...				
	Số hiệu	NT				.....	.....	.....	.....	.....
			<u>Số dư đầu kỳ</u>							
			Cộng phát sinh							
			<b>Ghi Có TK...</b>							
			<u>Số dư cuối kỳ</u>							

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.... năm  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

Địa chỉ: Km 9, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2011 Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số	Ghi nợ tài khoản 642							
	Số	Ngày				6421-CPNV	6422-CPVPP	6423-CP TKhách	6424-CP Công tác	6425-CP DVMN	6427-CP phí, LP	6428-CP khác	6429-CP KH
			.....										
			<b>Tháng 12/2011</b>										
01/12	CTGD 01/12	01/12	Phí chuyển tiền (trả tiền hàng Cty Phân đạm Hà Bắc)	112Agr	20.000						20.000		
27/12	HĐ 0203791	27/12	CP đổ dầu xe 9051 đi công tác	111	929.545				929.545				
31/12	GBN	31/12	Phí DV NH ACB T12	112ACB	40.000						40.000		
31/12	PC12/12	31/12	CP thuê tạp vụ VP T12	111	300.000							300.000	
31/12	BTTL	31/12	CP lương BPQL T12	334	32.175.846	32.175.846							
31/12	BTTL	31/12	Các khoản trích theo lương	338	5.550.477	5.550.477							
31/12	BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ BPQL T12/2011	2141	4.335.887								4.335.887
			.....										
			<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>949.023.075</b>	<b>452.715.877</b>	<b>39.352.100</b>	<b>81.071.280</b>	<b>83.282.681</b>	<b>40.530.693</b>	<b>7.426.738</b>	<b>192.613.067</b>	<b>52.030.639</b>
			<b>Ghi Có TK 642</b>	<b>911</b>	<b>949.023.075</b>	452.715.877	39.352.100	81.071.280	83.282.681	40.530.693	7.426.738	192.613.067	52.030.639

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP KHÍ CÔNG NGHIỆP VINASHIN**

Địa chỉ: Km 9, Quán Toan, HB,HP

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- TK 641 - Chi phí bán hàng

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số	Ghi nợ tài khoản 641						
	Số	Ngày				6411- CPNV	6412- CPVL	6413- CPDCS X	6414- CPKH	6415- CP sửa chữa	6416-CP DVMN	6417-CP khác
			.....									
			<b>Tháng 12/2011</b>									
8/12	HĐ 0202850	8/12	Phú Văn Hiếu mua dầu chạy xe ô tô + phí vé đường bộ + tiền ăn + công tác phí	111,141	2.999.984	605.120	1.914.864				480.000	
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BTTL	31/12	CP lương BPBH T12	334	25.140.000	25.140.000						
31/12	BTTL	31/12	Các khoản trích theo lương	338	3.690.000	3.690.000						
31/12	BPBKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ T12/2011	2141	165.633.555				165.633.555			
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh lũy kế năm</b>		<b>3.960.029.113</b>	<b>436.996.400</b>	<b>549.565.968</b>	<b>0</b>	<b>2.359.639.905</b>	<b>0</b>	<b>229.600.000</b>	<b>384.226.840</b>
			<b>Ghi Có TK641</b>	<b>911</b>	<b>3.960.029.113</b>	<b>436.996.400</b>	<b>549.565.968</b>	<b>0</b>	<b>2.359.639.905</b>	<b>0</b>	<b>229.600.000</b>	<b>384.226.840</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### **Giải pháp 3: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

#### *\* Phương pháp xác định:*

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng. Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần lưu ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu này không nên quá lớn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng không nên quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.

- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng ngược lại, tỷ lệ chiết khấu lại làm giảm lợi nhuận. Vì thế Công ty cần xem xét liệu chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

#### *\* Phương pháp hạch toán:*

- Khoản chiết khấu thanh toán không được ghi giảm giá trên hóa đơn bán hàng. Đây là một khoản chi phí tài chính công ty chấp nhận chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi, người mua nhận phiếu thu để trả và nhận khoản chiết khấu thanh toán. Các bên căn cứ chứng từ thu, chi tiền để hạch toán kế toán và xác định thuế TNDN theo quy định.

- Kế toán hạch toán như sau:

+ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635

Có TK111,112,131...

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK911:

Nợ TK911

Có TK635

### **Giải pháp 4: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại**

Để làm tăng doanh thu, lợi nhuận và giữ chân khách hàng tiềm năng, Công ty nên áp dụng các hình thức khuyến mại cho khách hàng, như là chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản này được ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng giữa người bán và người mua.

Khoản chiết khấu thương mại của Công ty nếu có phát sinh được phản ánh vào Tài khoản 521. Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Khi sử dụng tài khoản này cần lưu ý một số quy định sau:

(1) Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi Chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

(2) Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào TK 521.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Khi thanh toán tiền cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền theo đúng quy định cho khách hàng.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi hoặc Giấy báo nợ của Ngân hàng, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK521

Nợ TK3331

Có 111,112

(3) Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

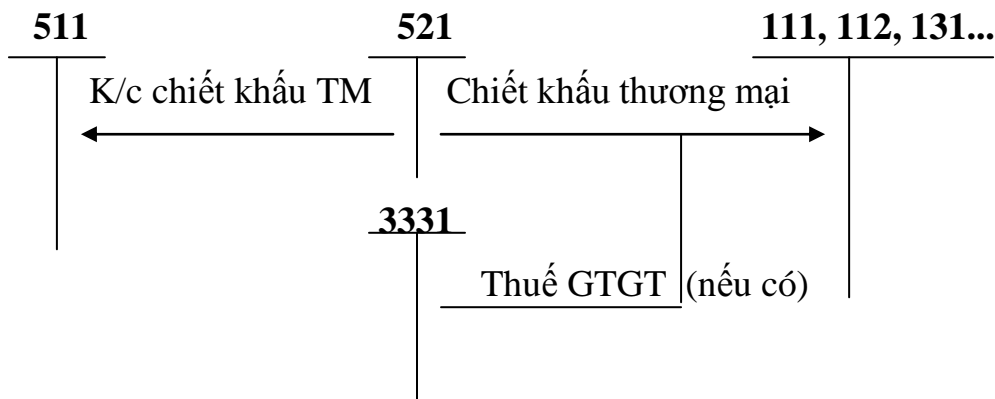
- Trong trường hợp này Công ty có thể xuất hóa đơn theo giá đã giảm, việc xuất hóa đơn chiết khấu thương mại được quy định như sau: Hàng hóa, dịch vụ có giảm giá ghi trên hóa đơn thì hóa đơn phải ghi rõ tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT (giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng giá thanh toán.

(4) Trường hợp giá trị hàng hóa trên hóa đơn bán hàng nhỏ hơn khoản chiết khấu thương mại thì khách hàng sẽ được điều chỉnh giảm ở hóa đơn mua hàng lần tiếp sau.

Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán.

Trong kỳ chiết khấu thương mại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển sang TK 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo.

**Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:**



**Giải pháp 5: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán**

Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin là một công ty vừa sản xuất vừa kinh doanh thương mại nên trong một chu kỳ kinh doanh có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần được ghi chép mà công việc kế toán của công ty được tiến hành thủ công trên Excel, do đó thường mất khá nhiều thời gian và thường có sự sai lệch trong số liệu. Vì vậy, để nâng cao chất lượng công tác kế toán cũng như để cho việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp các số liệu được diễn ra nhanh chóng, chính xác thì Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy. Hiện nay Công ty có thể tham khảo một số phần mềm kế toán sau :

- ❖ Phần mềm kế toán Fast của Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- ❖ Phần mềm kế toán Smart Soft của Công ty cổ phần Smart Soft
- ❖ Phần mềm kế toán Misa của Công ty cổ phần Misa
- ❖ Phần mềm SAS-INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam.

Điều này sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty trong công tác kế toán như :

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán về tình hình tài chính của công ty được diễn ra nhanh chóng, kịp thời.
- Các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp sẽ có độ tin cậy cao đối với các đối tượng bên ngoài.
- Giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong việc kiểm tra đối chiếu số liệu.



## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác, kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin cùng với kiến thức lý thuyết đã học ở trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Hơn nữa, em còn có tìm hiểu thêm những kiến thức thực tế mà em chưa biết, qua đó giúp em có thêm kinh nghiệm để làm việc sau này. Trong quá trình thực tập tại Công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú trong bộ phận kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi cần phải có nhiều kinh nghiệm thực tế, đặc biệt là với ngành khí công nghiệp này. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương đã trực tiếp hướng dẫn em và toàn thể ban lãnh đạo, cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

**Sinh viên**

**Phạm Cúc Phương**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, Nhà xuất bản tài chính.
2. Chuẩn mực kế toán Việt Nam: Chuẩn mực số 14: Doanh thu và thu nhập khác và Chuẩn mực số 17: Thuê thu nhập doanh nghiệp.
2. GS.TS.Đặng Thị Loan (2009), Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. TS Phan Đức Dũng (2008), Kế toán tài chính, Nhà xuất bản thống kê.
4. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Vinashin.
5. Các khóa luận năm trước.